

Số: 3488 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030”**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2026 và định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh, bổ sung đề cương, nhiệm vụ và tên đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2026 và định hướng đến 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3446/TTr-SNNPTNT ngày 27/12/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030” (Đề

*án chi tiết kèm theo).*

**1. Tên Đề án:** Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030.

## **2. Phạm vi, đối tượng**

- Phạm vi: Trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi, thủy sản) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối tượng: Các tổ chức, hộ cá nhân, trang trại, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn/tác nhân tham gia chuỗi.

+ Trồng trọt: lúa, rau màu các loại (ngô, lạc, sen, rau ăn lá,...), cây ăn quả (thanh trà, bưởi đỏ, bưởi cốm, bưởi da xanh, cam, chuối, ...)

+ Chăn nuôi: Lợn, bò, gia cầm (gà).

+ Thủy sản: Cá dià, cá nâu, cá đối, tôm sú, tôm chân trắng (theo hướng hữu cơ).

## **3. Mục tiêu**

3.1. Mục tiêu chung: Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, góp phần ổn định đời sống cho người dân trên địa bàn tỉnh gắn với tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực, khả năng tổ chức sản xuất, sức cạnh tranh trong chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể

#### 3.2.1. Mục tiêu đến năm 2026

##### a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng trên 0,5 - 1,0% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, lạc, rau các loại, sen, bưởi các loại, chuối, cam, các cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, sắn, cỏ).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 1,0 ha đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với chi phí hữu cơ.

##### b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi:

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 0,5 - 1,0% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi chủ lực được ưu tiên: Thịt gia súc, gia cầm,...

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với phi hữu cơ.

##### c) Đối với lĩnh vực thủy sản:

- Tỷ lệ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá

trị đạt khoảng 0,3 – 0,5% tính trên tổng sản phẩm thủy sản sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm thủy sản chủ lực được ưu tiên: Cá (đìa, nâu, đối,...), tôm (sú, chân trắng,..).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 0,5 - 1,0 lần so với phi hữu cơ.

### 3.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

#### a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 1,0-1,5% tổng diện tích đất trồng trọt đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, lạc, rau các loại, sen, bưởi các loại, chuối, cam, các cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, sắn, cỏ).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất trồng trọt hữu cơ theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với phi hữu cơ.

#### b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi:

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 1,0 - 1,2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi chủ lực được ưu tiên: Thịt gia súc, gia cầm,...

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,2 - 1,5 lần so với phi hữu cơ.

#### c) Đối với lĩnh vực thủy sản:

- Tỷ lệ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 0,5 - 1,0% tính trên tổng sản phẩm thủy sản sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm thủy sản chủ lực được ưu tiên: Cá (đìa, nâu, đối,...), tôm (sú, chân trắng,..).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên thủy sản hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với phi hữu cơ.

## 4. Nội dung

4.1. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị. Lựa chọn vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế, đáp ứng nhu cầu thị trường để sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.

a) Vùng trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Phát triển các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, ... có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi phù hợp đối tượng cây trồng chủ lực, thực hiện chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

b) Vùng chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Xây dựng các vùng

chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực.

c) Vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Xây dựng các vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản.

4.2. Xác định các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

Xây dựng khoảng 21 mô hình điểm, thực hiện hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật chuyển đổi sang sản xuất theo hướng hữu cơ và hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ, gồm: **(1)** Mô hình trồng trọt: Sản xuất lúa, rau màu, cây ăn quả... đạt chứng nhận hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI); **(2)** Mô hình chăn nuôi: lợn, gà, bò hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI); **(3)** Mô hình nuôi cá, tôm theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI)

4.3. Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất gắn kết với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, gồm: **(1)** Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ (lúa gạo, lạc, rau, sen, thanh trà ...); **(2)** Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ (lợn, bò gà ....); **(3)** Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ (tôm, cá đầm phá); **(4)** Chuỗi liên kết tận dụng các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn. Tận dụng (rơm rạ, thân lá lạc, rau.. làm thức ăn chăn nuôi, trồng nấm rơm và phân hữu. Thu gom chế biến chất thải của chăn nuôi, thủy sản làm phân bón hữu cơ.

4.4. Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực

4.5. Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực.

4.6. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

## **5. Giải pháp thực hiện**

### **5.1. Giải pháp về kỹ thuật công nghệ**

a) Ứng dụng khoa học và công nghệ (công nghệ gen, công nghệ nhân giống...) trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất thức ăn, vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học.

b) Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất và chế biến nông sản như công nghệ tự động hóa, công nghệ thủy canh, tưới nước tiết kiệm, công nghệ trữ nước, tuần hoàn nước, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng...; quy trình công nghệ sản xuất, tạo sản phẩm an toàn đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường trong nước và xuất khẩu....

c) Tăng cường chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, ưu tiên triển khai các giải pháp kiểm soát chất lượng nông sản, truy xuất nguồn gốc, đa dạng hóa các kênh bán hàng thông qua thương mại điện tử.

## 5.2. Giải pháp về đầu tư hạ tầng, phát triển vùng sản xuất tập trung

a) Nghiên cứu, lập các dự án đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp nói chung và ưu tiên hạ tầng tại các vùng sản xuất tập trung các đối tượng cây trồng vật nuôi theo hướng hữu cơ, tuần hoàn.

b) Phát triển các vùng sản xuất hữu cơ, tuần hoàn quy mô lớn, phù hợp với điều kiện của từng địa phương và liên kết theo chuỗi giá trị.

- Xác định các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn phù hợp với điều kiện sinh thái, theo thị hiếu của người tiêu dùng, gắn với phát triển du lịch.

- Chú trọng các khâu làm đất, sử dụng phân xanh, cây che phủ đất, luân canh cây trồng phức hợp. Quản lý dinh dưỡng và kiểm soát các yếu tố độc hại trong đất; đánh giá định kỳ chất lượng môi trường đất, nước trong các vùng sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị để sớm có giải pháp ngăn chặn, cải tạo trong trường hợp cần thiết.

## 5.3. Giải pháp về cơ chế chính sách

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành để khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh, nhất là doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nhằm đảm bảo ổn định đầu ra cho sản xuất.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù hỗ trợ sản xuất sản phẩm hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị theo quy định tại Điều 16 và Điều 17, Nghị định số 109/2018/NĐ-CP và Quyết định số 687/QĐ-TTg, ngày 7/6/2022; Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung thay thế trong thời gian tới).

## 5.4. Giải pháp về thị trường

Nghiên cứu thị trường để sản xuất, cung ứng các sản phẩm hữu cơ, tuần hoàn phù hợp với nhu cầu, thị hiếu. Tăng cường các hoạt động truyền thông, bao gồm cả truyền thông nội bộ và truyền thông đại chúng. Khuyến khích liên kết giữa đơn vị sản xuất với các đơn vị làm du lịch như công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng ... để tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các cơ sở sản xuất hữu cơ, tuần hoàn thành các điểm tham quan du lịch trải nghiệm, hướng đến xuất khẩu tại chỗ đối với các sản phẩm hữu cơ, tuần hoàn.

## 6. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án là 161.740 triệu đồng; từ các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước.
- Ngân sách từ doanh nghiệp.
- Nguồn vốn lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương

trình mục tiêu quốc gia.

- Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**7. Thời gian thực hiện:** giai đoạn 2025 - 2030.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn thực hiện các nội dung Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2024 - 2030 theo đúng nội dung được phê duyệt.

- Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu, đăng ký xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị của các địa phương, các cơ sở (*doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất*) trên địa bàn tỉnh, tổng hợp, xây dựng dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan trong công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm tại các mô hình; triển khai các nội dung thông tin, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ của tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

### **2. Sở Tài chính**

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan nhằm thực hiện đề án, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan trong việc lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án khác trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu các hoạt động liên quan ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nói chung và nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị nói riêng; thúc đẩy hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ, đăng ký mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm,

hàng hóa từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

### **5. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thông qua các chương trình, chính sách thuộc lĩnh vực công thương hỗ trợ phát triển sản xuất; mở rộng thị trường các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xác định diện tích đất nông nghiệp (trong đó, có các vùng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn) được phân bổ chỉ tiêu trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh làm căn cứ giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

### **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở, Trung tâm IOC phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị an toàn, bền vững.

- Tăng cường, đẩy mạnh việc xúc tiến các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh rau an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

### **8. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các sở, ban ngành triển khai các nội dung liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra; quảng bá các sản phẩm được sản xuất từ mô hình nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn; góp phần xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra thị trường ổn định.

### **9. Các sở, ban, ngành liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

### **10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu

cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò trong quá trình thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị của tỉnh.

### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế**

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Đề án cụ thể đến từng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn; trong đó, xác định rõ vị trí, quy mô, giá trị, thương hiệu, định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Triển khai rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi của địa phương, có khả năng phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác và nhu cầu thị trường; nghiên cứu, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp, hiệu quả.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, TN, ĐC, XD;
- Lưu: VT, VH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Hải Minh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-----\*\*\*-----

**ĐỀ ÁN**

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ  
TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/12/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Thừa Thiên Huế, 12/2024**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	2
1. Căn cứ pháp lý.....	2
2. Căn cứ thực tiễn.....	5
III. TÊN GỌI VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN.....	6
1. Tên Đề án: “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030”.....	6
2. Tổ chức quản lý Đề án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	6
IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN .....	6
<b>PHẦN I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....</b>	<b>7</b>
I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM TỈNH THỪA THIÊN HUẾ .....	7
1. Tình hình, đặc điểm về điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội .....	7
2. Vai trò, vị trí, tỷ trọng của các loại hình sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp của tỉnh Thừa Thiên Huế .....	9
3. Vai trò vị trí của nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thừa Thiên Huế .....	9
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2020 - 2024.....	10
1. Hiện trạng kinh tế nông nghiệp và hiệu quả của các loại hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh .....	10
2. Hiện trạng về chế biến và thị trường đầu ra của sản phẩm nông nghiệp .....	12
3. Các tác động, ảnh hưởng môi trường của các loại hình sản xuất nông nghiệp chính của Thừa Thiên Huế .....	12
III. SƠ LƯỢC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG (ĐẤT, NƯỚC) TẠI CÁC KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....	16
IV. CÁC VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ .....	17
1. Các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị từ Trung ương.....	17
2. Các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	20
<b>PHẦN II. CƠ HỘI, THÁCH THỨC, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024-2030.....</b>	<b>22</b>

I. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC, QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ .....	22
1. Cơ hội .....	22
2. Thách thức .....	24
3. Quan điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.....	26
II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN.....	27
1. Mục tiêu chung.....	27
2. Mục tiêu cụ thể.....	27
III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	27
1. Định hướng chung.....	27
2. Định hướng cụ thể.....	28
2.1. Trồng trọt.....	28
2.1.1. Mục tiêu chung.....	28
2.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	28
2.1.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục III).....	28
2.2. Vùng trồng nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.....	33
2.2.1. Mục tiêu chung.....	33
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	33
2.2.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục III).....	33
2.3. Chăn nuôi .....	35
2.3.1. Mục tiêu chung.....	35
2.3.2. Mục tiêu cụ thể.....	35
2.3.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục IV).....	36
2.4. Thủy sản .....	39
2.4.1. Mục tiêu chung.....	39
2.4.2. Mục tiêu cụ thể.....	39
2.4.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục V).....	40
3. Nội dung .....	40
3.1. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.....	40
3.2. Xác định các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.....	41
3.3. Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất gắn kết với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn .....	43
3.3.1. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ.....	43
3.3.2. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ.....	43
3.4. Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực .....	44
3.5. Chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực .....	44

3.6. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị .....	44
<b>IV. GIẢI PHÁP .....</b>	<b>45</b>
1. Nhóm giải pháp về kỹ thuật công nghệ và khuyến nông .....	45
1.1. Giải pháp thông tin, tuyên truyền về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị .....	45
1.2. Về khoa học, công nghệ .....	45
1.3. Tổ chức thực hiện, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị .....	46
1.4. Hạ tầng nông thôn, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị .....	47
1.5. Phát triển các vùng sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị ..	48
2. Giải pháp về cơ chế chính sách .....	48
3. Chứng nhận sản phẩm hữu cơ .....	48
4. Giải pháp về thị trường, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm .....	49
<b>IV. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN .....</b>	<b>51</b>
1. Về kinh tế .....	51
2. Về xã hội .....	51
3. Về môi trường .....	52
<b>PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>53</b>
<b>I. KINH PHÍ THỰC HIỆN.....</b>	<b>53</b>
1. Khái toán kinh phí thực hiện đề án.....	53
2. Nguồn vốn .....	53
3. Quản lý, sử dụng kinh phí .....	53
<b>II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>53</b>
1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.....	53
2. Sở Tài chính .....	54
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	54
4. Sở Khoa học và Công nghệ .....	54
5. Sở Công Thương .....	54
6. Sở Tài nguyên và Môi trường .....	54
7. Sở Thông tin và Truyền thông.....	54
8. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh.....	55
9. Các sở, ban, ngành liên quan.....	55
10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh .....	55
11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.....	55

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AI	Trí tuệ nhân tạo
BNN	Bộ Nông nghiệp
BVTV	Bảo vệ thực vật
CPTĐ	Cổ phần tập đoàn
GRDP	Tốc độ tăng trưởng kinh tế
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KHKT	Khoa học kỹ thuật
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NQ	Nghị quyết
OCOP	Một xã một sản phẩm
PGS	Hệ thống chứng nhận đảm bảo
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

## MỞ ĐẦU

### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Vệ sinh an toàn thực phẩm đang là mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Vệ sinh an toàn thực phẩm không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống mà còn quyết định uy tín của thương hiệu sản phẩm thực phẩm. Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của một loại thực phẩm được quyết định bởi tất cả các công đoạn mà công đoạn đầu tiên là sản xuất, tiếp đến là chế biến, bảo quản, lưu thông đến tay người tiêu dùng. Hiện nay, thực phẩm sạch được người dân đặc biệt chú ý quan tâm, vì nó liên quan đến sức khỏe con người. Trong những thập kỷ gần đây, nông nghiệp Việt Nam có bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể về năng suất, sản lượng, chủng loại và quy mô sản xuất...; đã tạo ra một khối lượng sản phẩm rất lớn đảm bảo tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, nông nghiệp nước ta đang đứng trước những thách thức không nhỏ đó là vấn đề ô nhiễm môi trường, đất đai bạc màu, suy giảm đa dạng sinh học, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật ở người, bùng phát sâu bệnh do sự phá hủy hệ sinh thái xuất phát từ việc sử dụng quá nhiều hóa chất. Để khắc phục những nhược điểm trên, nông nghiệp nước ta đang từng bước chuyển dịch sang sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị. Trên thị trường, người dân đã biết đến và đang làm quen dần với các sản phẩm nông sản sạch như rau sạch, rau an toàn và một số hoa quả, thực phẩm an toàn.

Thừa Thiên Huế là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung và cả nước, cửa ngõ ra biển của hành lang kinh tế Đông - Tây, có vị trí chiến lược rất quan trọng trong phát triển kinh tế, an ninh, chính trị, quốc phòng của khu vực và cả nước. Với đặc điểm về địa hình có cả ba vùng gồm: đồng bằng, trung du - miền núi và biển, đầm phá, hệ thống giao thông khá phát triển về cả đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không, tỉnh Thừa Thiên Huế hội tụ đầy đủ yếu tố địa lý thuận lợi và các tiềm năng để phát triển nông nghiệp.

Trong thời gian qua ngành nông nghiệp đã và đang thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, khắc phục tình trạng quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định và dễ bị tổn thương do thiên tai, dịch bệnh. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp của Tỉnh Thừa Thiên Huế đã định hình và từng bước đi vào ổn định đối với một số cây trồng chủ lực chính như lúa, rau màu các loại, cây ăn quả, .... Với những chính sách quan tâm hỗ trợ của tỉnh đã tạo điều kiện cho các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn ngày càng phát triển góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con và gắn với việc bảo vệ môi trường.

Tại Việt Nam, năm 2016 toàn quốc có hơn 53 nghìn ha đất canh tác nông nghiệp hữu cơ. Đến năm 2021, diện tích đất canh tác hữu cơ tăng lên 119 nghìn ha tại 40 tỉnh thành cả nước. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, đã có 1 số mô hình canh tác hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, nhưng diện tích còn nhỏ, chưa tập trung. Nhằm tạo hành lang pháp lý và thúc đẩy nhanh nông nghiệp hữu cơ, tháng 8, năm

2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 109/NĐ-CP, yêu cầu tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn cả nước. Qua sản xuất trồng trọt và chăn nuôi đã thải ra môi trường một khối lượng phụ phẩm, phế phẩm khá lớn, ước tính, tổng lượng phụ phẩm trong nông nghiệp của Việt Nam là gần 160 triệu tấn. Trong đó, có khoảng 90 triệu tấn phụ phẩm sau thu hoạch từ cây trồng, từ quá trình chế biến nông sản của ngành trồng trọt (chiếm 56,2%); 62 triệu tấn phân gia súc, gia cầm từ ngành chăn nuôi (chiếm 38,7%); 6 triệu tấn từ ngành lâm nghiệp (chiếm 3,7%) và khoảng gần 1 triệu tấn từ ngành thủy sản (0,6%). Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào để sản xuất các giá thể và phân bón hữu cơ cho cây trồng rất tốt. Tuy nhiên, người dân hiện nay chưa tận dụng khai thác hết nguồn nguyên liệu này để làm nguồn phân bón hữu cơ cho cây trồng. Thực tế hiện nay, sản xuất nông nghiệp ở vùng nông thôn về chất lượng nông sản còn ở mức thấp, quy mô nhỏ lẻ. Việc hình thành chuỗi liên kết sản xuất chưa được chặt chẽ. Do đó, dẫn đến giá trị nông sản thấp, thu nhập của người nông dân chưa cao.

Nông nghiệp hữu cơ (NNHC), kinh tế tuần hoàn (KTTH) theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp là con đường tất yếu của nông nghiệp Việt Nam. Bởi vì, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã chỉ rõ Nông nghiệp, Nông thôn, Nông dân Việt Nam phải là: Nông nghiệp sinh thái, Nông thôn hiện đại và Nông dân văn minh; Chính phủ đã có các Nghị định, Đề án, các Cam kết về Tăng trưởng xanh, về kinh tế tuần hoàn, về Nông nghiệp hữu cơ và giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Như vậy, Việt Nam đã có về cơ sở pháp lý để định hướng xây dựng nền NNHC, KTTH theo chuỗi giá trị.

Bắt nguồn từ chính thực tiễn, định hướng chung của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, mục tiêu của Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phát huy tiềm năng thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ của địa phương, góp phần định vị và nâng cao thương hiệu sản phẩm nông nghiệp tỉnh nhà trên bản đồ nông nghiệp. Bên cạnh đó, nông nghiệp hữu cơ đang là xu thế phát triển và sẽ phát triển nhanh trong thời gian tới do đảm bảo cung cấp được các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe con người và cho xã hội.

Xuất phát từ những lý do trên, cần thiết phải triển khai **“Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030”** để có cơ sở trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần giúp địa phương có thêm cơ sở vững chắc trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, xây dựng kế hoạch nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất, nước, mang lại hiệu quả kinh tế cao, làm cơ sở cho phát triển nông nghiệp bền vững của Thừa Thiên Huế.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

- Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;
- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041:2017 Nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã cụ thể hóa các điều khoản quy định chung về kinh tế tuần hoàn (KTTH).
- Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về NNHC;
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Các Quyết định số 3879/QĐ-BKHHCN ngày 29/12/2017; 3883/QĐ BKHCN ngày 29/12/2017; 3965/QĐ-BKHHCN ngày 26/12/2018, của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn Quốc gia về NNHC;
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển NNHC giai đoạn 2020-2030;
- Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;
- Quyết định số 1658/QĐ- TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;



- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn Việt Nam;

- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 19/06/2024 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030;

- Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề cương, nhiệm vụ và tên đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2027 và định hướng đến 2030;

- Kế hoạch số 148/KH-UBND, ngày 14/4/2021 về việc Thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021- 2030, định hướng 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 13/11/2024 về Triển khai “Đề án phát triển các vùng rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, Khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất”;

- Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH14 ngày 30/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025;

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông

nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi;

## **2. Căn cứ thực tiễn**

Trong thời gian qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai có hiệu quả việc tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó có sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị với nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất thực phẩm an toàn, đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi để nâng cao năng suất, sản lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng. Hiện nay, toàn tỉnh đã có xây dựng một số mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một số cây trồng như lúa, đậu tương, dưa hấu, rau và chăn nuôi gà, lợn thông qua liên kết với Công ty CPTĐ Quế Lâm và dự án Thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu (VIE/433) do Luxembour tài trợ tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Đã có các doanh nghiệp tư nhân phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; các trang trại, các nhóm nông hộ chủ yếu sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm... bước đầu đáp ứng thị trường trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong tỉnh còn ít và nhỏ lẻ, chưa phát triển trên quy mô rộng. Trong thời gian qua, để đảm bảo chất lượng nông sản hàng hóa, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh đã luôn chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị đã được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; hỗ trợ, hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hướng đến sản xuất nông nghiệp sạch, bền vững.

Thực hiện Nghị định 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ, Công ty CPTĐ Quế Lâm đã đi đầu trong xây dựng, mở rộng và phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn nhiều tỉnh thành trong cả nước trong đó có tỉnh Thừa Thiên Huế. Hàng năm Công ty CPTĐ Quế Lâm đã phối hợp với các Sở, ban ngành, các địa phương và người nông dân các tỉnh đã tuyên truyền và hỗ trợ phân bón hữu cơ, các chế phẩm vi sinh, thuốc BVTV sinh học và thảo mộc để xây dựng thành công các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ - kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị như lợn, lúa, cây ăn quả, ngô, đậu tương:...và xử lý môi trường, nhằm từng bước chuyển đổi nhận thức cán bộ, người dân về phương thức canh tác theo hướng hữu cơ và hữu cơ để tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng được sự tin tưởng của người tiêu dùng, đồng thời đã mang lại nhiều lợi ích: phát triển kinh tế, tạo nhiều sinh kế, sức

khỏe và môi trường cho con người. Bước đầu đã làm thay đổi nhận thức của người sản xuất về phương thức canh tác an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường; người tiêu dùng tin tưởng về sản phẩm sạch an toàn.

Với những điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội, chất lượng nguồn nhân lực và những kết quả bước đầu trong việc hướng đến nền nông nghiệp sạch là tiền đề cơ bản để thực hiện tốt Đề án ***Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030.***

### **III. TÊN GỌI VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN**

1. Tên Đề án: “*Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030*”.

2. Tổ chức quản lý Đề án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN**

- Phạm vi: Giới hạn trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn/tác nhân tham gia chuỗi.

+ Trồng trọt: lúa, rau màu các loại (ngô, lạc, sen, rau ăn lá,...), cây ăn quả (Thanh trà, bưởi đỏ, bưởi côm, bưởi da xanh, cam, chuối, ...)

+ Chăn nuôi: Lợn, bò, gia cầm (gà).

+ Thủy sản: Cá diạ, cá nâu, cá đối, tôm sú, tôm chân trắng (theo hướng hữu cơ).

**PHẦN I**  
**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP HỮU**  
**CỖ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**  
**TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**1. Tình hình, đặc điểm về điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội**

*- Vị trí địa lý:*

Thừa Thiên Huế là tỉnh ven biển nằm ở vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam có tọa độ ở 16-16,8 độ vĩ Bắc và 107,8 - 108,2 độ kinh Đông. Diện tích của tỉnh là 4.947,11 km<sup>2</sup>. Thừa Thiên Huế giáp tỉnh Quảng Trị về phía Bắc, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, phía Tây giáp dãy Trường Sơn và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Thừa Thiên Huế cách Hà Nội 654 km, Nha Trang 627 km và Thành phố Hồ Chí Minh 1.071 km.

*- Khí hậu:*

Thừa Thiên Huế có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Vùng duyên hải đồng bằng có hai mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8, trời nóng oi bức, có khi nhiệt độ lên tới gần 40<sup>0</sup>C. Từ tháng 8 đến tháng 1 là mùa mưa, bão, lụt, nhiệt độ thường dao động quanh 19,7<sup>0</sup>C, lạnh nhất là 8,8<sup>0</sup>C. Vùng núi mưa nhiều, khí hậu mát, nhiệt độ thấp nhất là 9<sup>0</sup>C và cao nhất là 29<sup>0</sup>C.

*- Đặc điểm địa hình:*

Dưới tác động của các quá trình hình thành địa hình nội sinh và ngoại sinh đối lập nhau, địa hình Thừa Thiên Huế bị biến đổi không ngừng trong lịch sử tồn tại và phát triển kéo dài hàng trăm triệu năm, đặc biệt là trong giai đoạn tân kiến tạo cho đến hiện tại. Địa hình tại đây được chia làm 4 loại:

Địa hình khu vực núi trung bình: Khu vực núi trung bình chủ yếu phân bố ở phía Tây, Tây Nam và Nam lãnh thổ, chiếm khoảng trên 25% lãnh thổ của tỉnh.

Địa hình khu vực núi thấp và gò đồi: Núi thấp và đồi phân bố trên diện tích rộng nhất của khu vực địa hình đồi núi (trên 65%) và chiếm khoảng 50% lãnh thổ toàn tỉnh.

Địa hình khu vực đồng bằng duyên hải: Chiếm khoảng 16% diện tích tự nhiên của tỉnh. Đồng bằng duyên hải Thừa Thiên Huế trải dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam trên 100 km.

Địa hình khu vực đầm phá và biển ven bờ: Đầm phá, cồn cát chắn bờ và biển ven bờ tuy khác nhau về hình thái và vị trí phân bố, nhưng lại có quan hệ tương hỗ, quyết định lẫn nhau trong suốt quá trình hình thành toàn bộ hệ thống lãnh thổ này.

*- Đất đai:*

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế là 494.710,9 ha. Vùng núi và gò đồi chiếm 4/5 diện tích của tỉnh. Nhìn chung Thừa Thiên Huế là tỉnh có diện tích đất không lớn, nhưng đất đai đa dạng, được hình thành từ 10

nhóm đất khác nhau, trong đó đất bằng, bao gồm cả đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ chỉ chiếm 19,5% diện tích tự nhiên, trong đó có nhiều loại đất hiện hiệu quả khai thác chưa cao trong sản xuất nông nghiệp như đất cồn cát và cát ven biển, đất nhiễm mặn, phèn... chiếm diện tích khá lớn, đây là những loại đất cần phải cải tạo thì mới mang lại hiệu quả khai thác trong sản xuất.

Địa hình đất đai đa dạng gây khó khăn trong việc quy hoạch tập trung, chuyên canh cây trồng và đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất. Diện tích đất dùng cho sản xuất nông nghiệp chiếm 18,2% diện tích tự nhiên. Đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu là đất trồng cây hàng năm, trong đó đất sản xuất cây lúa 58,6%; Cây chất bột có củ 12,1%; Cây công nghiệp lâu năm 11,34%; Cây rau, đậu các loại 6,9%; Cây công nghiệp hàng năm 4,27% và cây ăn quả chiếm 3,63% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Hiện trạng đất sản xuất cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp và cây ăn quả có tỷ lệ thấp, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho giá trị sản xuất nông nghiệp có tỷ trọng thấp. Cho nên việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang hướng có tăng giá trị và hiệu quả là một đòi hỏi cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh nhà.

*- Dân số và dân tộc:*

Tính đến năm 2024, dân số tỉnh Thừa Thiên Huế có 1.153.795 người (571.245 nam; 582.550 nữ). Mật độ dân số: 233,2 người/km<sup>2</sup>. Về phân bố, có 609.377 người sinh sống ở thành thị và 544.418 người sinh sống ở vùng nông thôn. Trong các dân tộc thiểu số sinh sống ở Thừa Thiên Huế thì các dân tộc: Cotu, Tà Ôi, Bru-Vân Kiều được xem là người bản địa sinh sống ở phía Tây của tỉnh. Trải qua quá trình sinh sống lâu dài, các dân tộc này đã tạo cho mình bản lĩnh dân tộc và nét văn hóa đặc trưng, thống nhất trong đa dạng, làm nên một tiểu vùng văn hoá ở phía tây tỉnh Thừa Thiên Huế.

*- Kinh tế, xã hội:*

Hoạt động du lịch: Trong năm 2024, khách du lịch ước đạt 350,9 nghìn lượt, tăng 16,7% so với cùng kỳ, có giảm nhẹ so với tháng trước; trong đó, khách quốc tế ước đạt 131,1 nghìn lượt, tăng 31,7%; doanh thu từ du lịch ước đạt 705,4 tỷ đồng, tăng 2,3%.

Lĩnh vực công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh tháng 5/2024 ước tăng 6,4% so với cùng kỳ; lũy kế 05 tháng ước tăng 3% so với cùng kỳ.

Lĩnh vực nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp trong năm 2024 diễn ra khá thuận lợi, tình trạng ngập úng cục bộ do mưa lớn chỉ tập trung ở các vùng trũng, cây rau màu và các loại hoa mới gieo trồng ít chịu ảnh hưởng, đàn vật nuôi được bảo vệ tốt, dịch bệnh không xảy ra, tổng đàn lợn ước tăng 0,9% so cùng kỳ; Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng trong tháng tăng 9,9% cùng kỳ, công tác trồng rừng được các địa phương gấp rút triển khai trong những ngày thời tiết nắng ấm để đảm bảo kế hoạch đề ra; Sản xuất thủy sản duy trì phát triển, ước tăng 3,2 % so cùng kỳ.

## **2. Vai trò, vị trí, tỷ trọng của các loại hình sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp của tỉnh Thừa Thiên Huế**

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng trưởng GRDP tại tỉnh là 8,5-9,5%. GRDP bình quân đầu người là 3.000 USD. Năng suất lao động xã hội ước tăng 12,8%. Theo báo cáo năm 2023, chuyển dịch cơ cấu, tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh đang thực hiện đúng định hướng; trong đó, nông nghiệp chiếm 10,9%; công nghiệp và xây dựng chiếm 32,6%; dịch vụ chiếm 48% (thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 8,5%<sup>5</sup>). Trong 9 tháng năm 2024, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11,2% so với cùng kỳ (trong đó, vốn đầu tư của người dân 6.096,3 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch, tăng 13,4%; vốn viện trợ nước ngoài 500 tỷ đồng, bằng 51,3% kế hoạch, giảm 2%; vốn đầu tư nước ngoài 3.561,7 tỷ đồng, vượt 1,8% kế hoạch, tăng 35%... Các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, VietGAP, theo hướng hữu cơ đều phát huy hiệu quả, cho năng suất cao.

## **3. Vai trò vị trí của nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thừa Thiên Huế**

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và là trụ cột an ninh lương thực của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay, với sự gia tăng dân số toàn cầu và những biến đổi khí hậu như thiên tai, dịch bệnh, xung đột và các phương pháp canh tác lạc hậu ở một số quốc gia đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm. Trong bối cảnh kinh tế phát triển, việc áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn là rất cần thiết để tăng cường hiệu quả sản xuất và cải thiện cuộc sống của người nông dân. Việt Nam có khoảng 70% dân số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Vai trò, vị trí của nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị là nền nông nghiệp ít phát thải, không gây ô nhiễm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Khi nói bền vững thì không thể không tích hợp trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đối với sự phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Làm sao tạo ra được hiệu quả cân bằng, ổn định trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và môi trường đó chính là đích đến quan trọng. Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị đang là xu hướng phát triển tất yếu trên thế giới đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm sạch, an toàn cho sức khỏe của con người cũng như đảm bảo sự bền vững cho môi trường. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị nhằm mục đích tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị ở các vùng miền địa phương. Để thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong phát triển ngành nông nghiệp bền vững là vô cùng quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh thông qua việc giảm thiểu chi phí sử dụng tài nguyên, (tiết kiệm nước, tái chế chất thải, xử lý biogas...), giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và phản ứng tích cực trước biến đổi khí hậu. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty CPTĐ Quế Lâm là một trong những công ty đầu tiên đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần

hoàn theo chuỗi giá trị từ năm 2019. Đến nay, các mô hình vẫn đang được tiếp tục triển khai và đạt được một số kết quả tích cực.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị để cung cấp thực phẩm an toàn, đồng thời đảm bảo hệ sinh thái bền vững, bảo vệ môi trường... là mục tiêu tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang thực hiện để hướng tới phát triển ngành nông nghiệp bền vững. Những năm qua, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ tuần hoàn để nâng cao giá trị kinh tế và đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nông nghiệp tỉnh nhà đã và đang được thực hiện tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững, từng bước khắc phục tình trạng quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định và dễ bị tổn thương do thiên tai, dịch bệnh.

Hiện nay, sản xuất nông nghiệp của Thừa Thiên Huế đã định hình và từng bước đi vào ổn định đối với một số loại cây trồng chủ lực như lúa, rau màu các loại, cây ăn quả... Các chính sách tích cực như Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết 30/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã dành ngân sách hỗ trợ sau đầu tư từ 15 - 20 tỷ đồng/năm giúp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2020 - 2024**

### **1. Hiện trạng kinh tế nông nghiệp và hiệu quả của các loại hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh**

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp gần 70.000 ha, chiếm 13,9% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Năm 2024, sản lượng lương thực có hạt đạt gần 350 nghìn tấn, tăng 2,8%, trong đó lúa gần 344 nghìn tấn, tăng 2,8% so với năm 2023, năng suất ước đạt khoảng 64,4 tạ/ha tăng 1,7 tạ/ha (Trong đó: Lúa vụ Đông Xuân 188.152 tấn, năng suất ước đạt 67,4 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha; Lúa vụ Hè Thu: sản lượng 155.485 tấn, năng suất ước đạt 61,4 tạ/ha, tăng 2,1 tạ/ha). Diện tích lúa chất lượng cao đạt hơn 23.900 ha (chiếm 45% diện tích lúa) tăng 6,8%; duy trì sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng lớn khoảng 10.034 ha, trong đó, cánh đồng lớn có liên kết 3.639 ha, tăng 1.300 ha. Diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm khác có xu hướng giảm, tuy nhiên do thời tiết thuận lợi, công tác chỉ đạo sản xuất được tăng cường nên năng suất hầu hết đều tăng (Diện tích, năng suất đến tháng 9/2024 như sau: Ngô ước đạt 1.373 ha, giảm 0,9%, năng suất đạt 41,2 tạ/ha, tăng 2%; Khoai lang ước đạt 589 ha, giảm 4,7%, năng suất ước đạt 57,5 tạ/ha, tăng 2,1%; Lạc ước đạt 2.243 ha, giảm 4,7% năng suất ước đạt 22,3 tạ /ha, tăng 5,6; Rau các loại ước đạt 4.446 ha, giảm 2,2%). Phát triển diện tích cây ăn quả đạt 3.497 ha, tăng 2,7%. Trồng trọt ứng dụng công nghệ cao, VietGAP, hữu cơ tiếp tục phát triển; Hơn 62.000 m<sup>2</sup> nhà màng, nhà lưới; 11.360 ha sản xuất theo hướng VietGAP (rau 318,7 ha, lúa 10.433 ha, lạc 17,8 ha, cây ăn quả 592 ha), tăng 23,7% và có 1.548 ha đã được cấp giấy chứng nhận. Sản xuất theo hướng hữu cơ 318 ha (26,8 ha rau, 263 ha lúa, 28 ha lạc, tăng 14,4% và có 74,8 ha đã được cấp giấy chứng nhận. Đã cấp giấy xác nhận mã số vùng trồng cho 120 ha vùng trồng lúa, rau má, lạc, dưa lưới, các diện tích này đã được chứng nhận VietGAP hoặc chứng nhận an toàn thực phẩm. Đã

chuyển đổi hơn 409 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả hơn như: ngô, lạc, rau, đậu, sen và nuôi trồng thủy sản” (Bảng 1, Phụ lục I).

Tỉnh Thừa Thiên Huế có tiềm năng phát triển chăn nuôi bò thịt, lợn, gia cầm, tổng đàn trâu bò 30,7 nghìn con, đàn trâu 15 nghìn con, đàn lợn 152,5 nghìn con và gia cầm 5.083 triệu con. Toàn tỉnh có 406 cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 35 ngàn tấn (Báo cáo số 571/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh). Đã chú trọng nhân rộng các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, gắn với xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung cách biệt khu dân cư, đảm bảo điều kiện về môi trường, đang chuyển dần theo hướng chăn nuôi trang trại có cải tiến, chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ. Hiện nay, toàn tỉnh có hơn 390 cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại, chiếm khoảng 40% số lượng đàn gia súc, gia cầm của tỉnh, giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2021 đạt 1.100 tỷ đồng, tổng sản lượng thịt hơi gia súc gia cầm đạt 31.000 tấn. Theo điều tra, tất cả các địa phương đều chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm và dê. Trong đó, Phong Điền và Phú Lộc là hai huyện dẫn đầu về chăn nuôi. Thành phố Huế có số lượng vật nuôi thấp nhất tỉnh (Bảng 2, Phụ lục I).

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 ước đạt 7.929 ha, tăng 1,39% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó diện tích nuôi nước lợ là 5.787 ha, diện tích nuôi nước ngọt 2.033 ha. Tổng số lồng, bè nuôi là 8.305 lồng (Bảng 3, Phụ lục I).

Những năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều chủ trương, biện pháp phát triển nhanh các ngành kinh tế, trong đó có phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm ô nhiễm môi trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các địa phương đã ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, nhằm tăng giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người nông dân, thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã mở rộng vùng chuyên canh sản xuất lúa hữu cơ, thông qua việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Hiện nay diện tích sản xuất lúa hữu cơ ở tỉnh có khoảng 3.000 ha lúa sản xuất theo mô hình hữu cơ, chất lượng cao, phần lớn tập trung ở hai huyện Phú Vang, Quảng Điền. Các vùng sản xuất loại lúa này đều có sự liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, nhằm tạo thương hiệu gạo sạch, có giá trị cao. Với tổng diện tích cây thanh trà ở phường Thủy Biều gần 300 ha, người trồng thu lãi hàng trăm triệu đồng/ha/vụ. Từ giữa năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành quyết định tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, trong đó nhấn mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất nông sản an toàn. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư 12 tỷ đồng để hỗ trợ các cá nhân, tổ chức thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; trong đó, đối tượng áp dụng là các cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, tổ hợp tác, HTX, các doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.



## **2. Hiện trạng về chế biến và thị trường đầu ra của sản phẩm nông nghiệp**

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 264 cơ sở sản xuất chế biến, sơ chế nông sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tổng sản lượng chế biến thực phẩm nông sản và thủy sản thuộc đối tượng quản lý trên địa bàn toàn tỉnh khoảng 3.400 tấn sản phẩm/năm. Một số sản phẩm thủy sản có tính hàng hóa (cá diá, cá kính, cá diêu hồng, tôm chân trắng) vẫn tiêu thụ sản phẩm sống thông qua thương lái, chưa có kết nối với nhà máy chế biến xuất khẩu tại địa phương. Đây mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Sản xuất nông sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu tiêu thụ nội địa; một vài đơn vị gia công, xay xát, sản xuất gạo, lúa giống, tinh bột sắn cung cấp cho thị trường trong nước, không có đơn vị xuất khẩu gạo sang thị trường nước ngoài.

Về cách thức quản lý hoạt động sản xuất và tiêu thụ: Theo kết quả điều tra cho thấy phần lớn các địa phương chủ yếu là do hộ dân sản xuất và HTX điều hành. Ngoài ra, có thể do hộ nông dân điều hành tự phát ở huyện Nam Đông. Hoạt động sản xuất được tiến hành thông qua liên kết với công ty CPTĐ Quế Lâm, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp.

Về đối tác chính trong sản xuất và tiêu thụ: Sản phẩm hữu cơ có thể được tiêu thụ thông qua kết hợp với cửa hàng, siêu thị; chợ địa phương; công ty CPTĐ Quế Lâm; trường mầm non ở địa phương; công ty hữu cơ Huế Việt; hội chợ, triển lãm; doanh nghiệp; thương lái. Trong đó, phần lớn sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ tại chợ địa phương.

Mục đích sản xuất nông sản hữu cơ là để bán và tiêu dùng gia đình. Trong đó, có thành phố Huế, huyện Phú Vang và thị xã Hương Thủy chỉ sản xuất hữu cơ để phục vụ gia đình. Đối tượng bán nông sản hữu cơ gồm thương lái, siêu thị, khách quen, chợ địa phương; công ty CPTĐ Quế Lâm, HTX. Nguồn lấy thông tin: Đa số lấy thông tin từ thương mại, hàng xóm, cơ quan, mạng internet; đài truyền hình, điện thoại, cán bộ khuyến nông và chợ đầu mối (*Bảng 4, Bảng 5, Phụ lục I*).

## **3. Các tác động, ảnh hưởng môi trường của các loại hình sản xuất nông nghiệp chính của Thừa Thiên Huế**

Cùng với sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp, từ trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đến nuôi trồng thủy sản, các làng nghề ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông nghiệp đã và đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trầm trọng.

Tổng lượng phế, phụ phẩm trong nông nghiệp của Việt Nam ước tính gần 160 triệu tấn, trong đó có khoảng 90 triệu tấn phụ phẩm sau thu hoạch từ cây trồng, từ quá trình chế biến nông sản của ngành trồng trọt (56,2%); 62 triệu tấn phân gia súc, gia cầm từ ngành chăn nuôi (38,7%); 6 triệu tấn từ ngành lâm nghiệp (3,7%); gần 1 triệu tấn từ ngành thủy sản (0,6%). Những con số này cho thấy tiềm năng, giá trị của phế, phụ phẩm nông nghiệp. Thực tế, lượng phế phụ phẩm nông nghiệp được xem là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân bón hữu

cơ, thức ăn chăn nuôi, làm chất đốt, giá thể trồng rau, hoa, hoặc phục vụ các ngành công nghiệp.

Bên cạnh đó, quá trình đầu tư thâm canh để đạt được năng suất và sản lượng cao đã sử dụng rất nhiều hóa chất nông nghiệp, gây ra nhiều tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống. Việc sử dụng phân vô cơ liên tục nhiều năm làm cho nhiều diện tích đất trồng trọt bị suy giảm độ phì nhiêu, thay đổi tính chất đất theo hướng bất lợi, năng suất cây trồng giảm và tăng các chi phí sản xuất. Đặc biệt việc sử dụng các hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp đã ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường sinh thái và sức khỏe của con người... Cùng đó là việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), điều này không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà nguy hiểm hơn đe dọa đến an toàn lương thực, thực phẩm cho con người.

Thời tiết, khí hậu thay đổi thất thường, diễn biến phức tạp; trong đó xuất hiện các đợt nắng nóng kéo dài, mưa bão và lũ lụt không theo quy luật nên một số vùng đầm phá thường bị ngọt hóa kéo dài; một số vùng trước đây ngọt hóa lại có tình trạng độ mặn cao hơn nhiều so với các năm trước. Đầm phá là nơi tiếp nhận nhiều nguồn nước từ sản xuất lúa, màu; từ các con sông; vùng sinh hoạt dân cư,... nên môi trường khó kiểm soát hơn cho cơ sở nuôi trồng thủy sản. Xuất hiện các bệnh mới lạ trong nuôi tôm thẻ chân trắng như bệnh chết sớm (EHP), bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND, bệnh đen mang,...) nhưng chưa có giải pháp kỹ thuật hữu hiệu; tình trạng cá nuôi lồng chết trên sông, đầm phá đột ngột do hàm lượng ô-xy giảm thấp,..."

*\* Đánh giá chung về phát triển nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2023*

- Thuận lợi: Thừa Thiên Huế có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp như diện tích đất sản xuất nông nghiệp gần 70.000 ha, là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, với đặc điểm về địa hình có cả ba vùng gồm: đồng bằng, trung du - miền núi và biển, đầm phá, hệ thống giao thông khá phát triển về cả đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không, tỉnh Thừa Thiên Huế hội tụ đầy đủ yếu tố địa lý thuận lợi và các tiềm năng để phát triển nông nghiệp.

- Khó khăn: Nông nghiệp của Thừa Thiên Huế vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và chưa thật sự hiệu quả, bền vững. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực và sản phẩm chủ lực vẫn còn chậm, chưa có những đột phá tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp; sản xuất quy mô nhỏ và đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều; nhất là chưa có nhiều doanh nghiệp lớn, có thương hiệu, tiềm lực kinh tế, công nghệ và kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp làm động lực, đầu tàu cho phát triển nông nghiệp của tỉnh.

*\* Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị giai đoạn 2020-2024*

- Những kết quả đạt được:

Theo số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế (năm 2024), diện tích canh tác hữu cơ và theo hướng hữu cơ hiện nay trên

toàn tỉnh có 500 ha; với 330 ha lúa và rau. Thời gian qua, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế đang có những bước phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt bình quân 3,5%/năm, nông nghiệp và kinh tế nông thôn đang chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; đã tập trung cơ cấu lại theo hướng ưu tiên phát triển 03 nhóm sản phẩm (chủ lực quốc gia, chủ lực cấp tỉnh, OCOP) và trên từng lĩnh vực của ngành bước đầu đạt được kết quả nhất định; an ninh lương thực được đảm bảo; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đầu tư đồng bộ; đời sống dân cư nông thôn ngày càng được nâng cao.

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xây dựng nhiều mô hình sản xuất hữu cơ tuần hoàn trên một số cây trồng như lúa, đậu tương, dưa hấu, rau và chăn nuôi gà, lợn thông qua liên kết với Công ty CPTĐ Quế Lâm và dự án Thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu (VIE/433) do Chính phủ Luxembourg tài trợ. Về chuỗi giá trị sản xuất lúa, gạo hữu cơ, Thừa Thiên Huế và Công ty CPTĐ Quế Lâm đã xây dựng 9 mô hình hợp tác xã với trên 300 ha lúa, liên kết người nông dân xây dựng hàng nghìn ha lúa theo chuỗi giá trị. Liên kết sản xuất 200 ha ngô, đậu tương ở huyện A Lưới, Quảng Điền làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Liên kết với xã Phong Thu, huyện Phong Điền xây dựng hợp tác xã Thanh trà hữu cơ, liên kết xã Quảng Công, Quảng Ngạn (huyện Quảng Điền) trồng thử nghiệm khoai lang hữu cơ, dưa hấu hữu cơ, mở rộng và tiến tới xây dựng chuỗi giá trị rau, củ, quả... Mặt khác, hỗ trợ từ Dự án thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu VIE/433 của Chính phủ Luxembourg đã hình thành nên các tổ, nhóm nông dân PGS (Participatory Guarantee System - Chứng nhận hữu cơ theo hệ thống cùng tham gia đảm bảo chất lượng) sản xuất nông sản hữu cơ liên kết nông hộ tại các huyện Phú Vang, Phú Lộc, Quảng Điền như: Rau má hữu cơ Quảng Thọ; rau hữu cơ Quảng Thành, Mỹ Lợi; gà hữu cơ Quảng Phước, lúa hữu cơ Phú Mỹ, Lộc An; dầu lạc hữu cơ Mỹ A...

Toàn tỉnh có 42 cơ sở chăn nuôi theo hướng hữu cơ, sử dụng độn lót sinh học và có liên kết; 01 trang trại chăn nuôi lợn hữu cơ tại tổ hợp chăn nuôi 4F ở xã Phong Thu, huyện Phong Điền với quy mô 100 con lợn nái và 2.200 lợn con giống, lợn thịt” (Theo báo cáo số 571/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh).

Các trang trại chăn nuôi tập trung tại huyện Quảng Điền đã tạo hướng đột phá mới trong áp dụng nông nghiệp xanh trong chăn nuôi lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng công nghệ cao, tận dụng khí biogas và tái sử dụng chất thải.

Trên địa bàn tỉnh xuất hiện một số tổ chức tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ như: Công ty TNHH MTV Hữu cơ Huế Việt (thành phố Huế), HTX Nông nghiệp Xanh Narasa (thị xã Hương Trà), HTX Nông nghiệp Mỹ Hải (huyện Phú Lộc)... Tuy nhiên, tính đến nay, số lượng sản phẩm hữu cơ được cấp chứng nhận hữu cơ quá ít, chỉ có 02 sản phẩm được Công ty TNHH Công nghệ NHONHO (National Health Organization) cấp chứng nhận hữu cơ, đó là sản phẩm gạo hữu cơ của Công ty CPTĐ Quế Lâm (20 ha) và gạo hữu cơ của HTX Nông nghiệp An Lỗ (21 ha), HTX NN Thủy Tân 6,2 (ha).

Đến nay các nông hộ liên kết với Công ty CPTĐ Quế Lâm đã chạm mốc hàng trăm con lợn nái và hàng trăm nghìn con lợn thịt tạo thành chuỗi thịt lợn. Mỗi vụ lúa có trên 300 ha tại 11 hợp tác xã liên kết với Công ty CPTĐ Quế Lâm tạo thành chuỗi lúa gạo. Trước những biến động thị trường, thiên tai dịch bệnh, thu nhập người nông dân luôn đảm bảo ở mức cao hơn 15 - 30% so với thông thường. Những mô hình trồng trọt, chăn nuôi liên tục mở rộng khắp thành phố và các huyện thị, vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như ngô, đậu tương cũng đã được xây dựng rộng rãi ở các huyện A Lưới, Quảng Điền... Mục tiêu liên kết để xây dựng tỉnh Thừa Thiên - Huế trở thành cái nôi của những mô hình nông nghiệp tuần hoàn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp đang ngày một đến gần hơn.

Tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Phong trào sản xuất nông nghiệp hữu cơ, VietGAP, nông nghiệp công nghệ cao tại Thừa Thiên Huế ngày một phát triển. Nhiều hợp tác xã của tỉnh Thừa Thiên Huế đã ứng dụng công nghệ 4.0 trong phòng trừ sâu bệnh và sản xuất lúa chất lượng cao nhằm tối ưu hoá sản xuất và thích ứng biến đổi khí hậu.

Doanh số bán lẻ sản phẩm hữu cơ (thực phẩm và đồ uống hữu cơ) trên thị trường toàn cầu tăng 15% lên 129 tỷ USD vào năm 2020. Thị trường sản phẩm hữu cơ sản phẩm hữu cơ đã tăng mạnh lên 188 tỷ USD vào năm 2021 và ước đạt 208 tỷ USD năm 2022. Thị trường sản phẩm hữu cơ đang trở nên quan trọng ở các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan... Nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm hữu cơ đang tăng mạnh và vượt quá nguồn cung.

- Những tồn tại khó khăn và định hướng cho giai đoạn 2024 - 2030.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đối diện với những khó khăn, thách thức như sau:

(1) Chưa có quy hoạch về sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, chưa có các cơ chế chính sách riêng hỗ trợ cho sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, mà lồng ghép thực hiện trong các chương trình, dự án khác như chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng...;

(2) Chưa có nhiều tổ chức kiểm tra chứng nhận sản xuất hữu cơ, phần lớn việc chứng nhận hữu cơ phải thuê các tổ chức nước ngoài nên chi phí cao, khó thực hiện, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ hoặc các hộ dân;

(3) Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, tài liệu tập huấn đào tạo về sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị còn hạn chế, chưa phổ biến; Một số tiêu chuẩn chưa được ban hành như TCVN về thức ăn chăn nuôi hữu cơ, thủy sản hữu cơ...

(4) Người tiêu dùng chưa tin tưởng và khó phân biệt giữa sản phẩm sản xuất hữu cơ và các sản phẩm thông thường khác;

(5) Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, nên khó khăn trong việc sản xuất quy mô lớn dẫn đến chi phí đầu tư cao;

(6) Nguồn nhân lực tinh thông sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị còn quá ít so với nhu cầu;

(7) Chưa xây dựng các chương trình trọng điểm và đầu tư nguồn lực tương xứng để tạo đột phá nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị

Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Định hướng này có thể góp phần giúp cải thiện hiệu quả sản xuất nông nghiệp bền vững thông qua tranh thủ tận dụng các thành tựu khoa học công nghệ ứng dụng vào thực tiễn sản xuất có truy suất nguồn gốc, nhằm cải thiện năng suất, chất lượng từ đó cải thiện thu nhập cho nông dân. Do đó, trong thời gian tới cần thực hiện:

- Đa dạng hóa các tổ chức chứng nhận nông nghiệp hữu cơ trong nước và quốc tế, đây là vấn đề bức xúc trong thực tiễn sản xuất hiện nay. Bộ Khoa học công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tiếp tục khảo sát thực tế về tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị ở Việt Nam, điều chỉnh bổ sung hoàn thiện tiêu chuẩn TCVN 11041:2017.

- Hướng dẫn sản xuất chế biến, ghi nhãn và tiếp thị thực phẩm sản xuất theo phương pháp nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu thực tế toàn cầu và dự báo xu thế thời đại phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

- Để phát triển thị trường sản phẩm hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cần xây dựng được lòng tin đối với người tiêu dùng, đây là quá trình cần tới sự nỗ lực từ các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp sản xuất, hệ thống phân phối... Bên cạnh đó, các sản phẩm hữu cơ cần đa dạng chủng loại, mẫu mã để người tiêu dùng có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

### **III. SƠ LƯỢC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG (ĐẤT, NƯỚC) TẠI CÁC KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Kết quả khảo sát 15 mẫu đất (5 mẫu đất trồng lúa, 2 mẫu đất trồng bưởi, 4 mẫu đất trồng rau, 1 mẫu đất trồng chuối, 2 mẫu đất trồng cam, 1 mẫu đất trồng sen) và 13 mẫu nước (5 mẫu nước tưới cho lúa, 2 mẫu nước tưới cho bưởi, 4 mẫu nước tưới cho rau, 2 mẫu nước tưới cho cam) tại các huyện, thị xã, thị trấn của tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

Môi trường đất trên địa bàn tỉnh nhìn chung vẫn ở mức an toàn cho sản xuất nông nghiệp. Các dấu hiệu như ô nhiễm hữu cơ, kim loại nặng chưa thể hiện trên địa bàn, vì tất cả các chỉ tiêu phân tích của 15 mẫu đều ở ngưỡng thấp hơn so với ngưỡng quy định. Do vậy, có thể nói môi trường đất trên địa bàn lấy mẫu vẫn có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ trong thời gian tới.

Chất lượng nước mặt trên địa bàn lấy mẫu đều ở mức đạt, không phát hiện hàm lượng kim loại nặng và Coliforms, đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ trong thời gian tới (*Phụ lục II*).

#### **IV. CÁC VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

##### **1. Các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị từ Trung ương**

- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP đã khẳng định sự quan tâm đúng hướng của Đảng trong việc phát triển nông nghiệp Việt Nam theo hướng bền vững và hội nhập toàn cầu. Nghị định gồm 7 chương, gói gọn trong 20 điều nhưng đã thể hiện đầy đủ các nội dung từ quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn, vật tư đầu vào sản xuất, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế, khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài về nông nghiệp hữu cơ. Ngoài ra, nghị định còn công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn, lô gô, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ. Đặc biệt, ở chương VI, nghị định đã nêu rõ các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ. Cụ thể, ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện các đề tài, dự án về phân bón hữu cơ, giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thảo mộc. Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ sản xuất hữu cơ.

- Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ. Thông tư đã trình bày cụ thể về quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp mới, cấp lại, cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên quan đến sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm hữu cơ. Ngoài ra, thông tư còn thể hiện các quy định về lấy mẫu, thử nghiệm, thu hồi, xử lý sản phẩm cũng như cách thức tổ chức thực hiện.

- Bộ tiêu chuẩn TCVN về nông nghiệp hữu cơ: TCVN 11041-1:2017; TCVN 11041-2:2017; TCVN 11041-3:2017; TCVN 12134:2017; TCVN 11041-5:2018; TCVN 11041-6:2018; TCVN 11041-7:2018; TCVN 11041-8:2018. Bộ tiêu chuẩn Việt Nam xuất bản lần 1 (TCVN 11041-1:2017) đã quy định các yêu cầu chung đối với sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển sản phẩm hữu cơ. Tiêu chuẩn này không chỉ dụng áp dụng đối với trồng trọt hữu cơ mà cả chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cũng như các sản phẩm từ quá trình sản xuất hữu cơ được sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn cho chăn nuôi. Sau đó các TCVN 2,3,4,5,6,7 và 8 ra đời nhằm bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hóa TCVN 1. Ngoài ra có các bộ tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam như sau:

- + Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-9:2023, Phần 9: Mật ong hữu cơ;
- + Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-10:2023, Phần 10: Rong biển hữu cơ;
- + Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-11:2023, Phần 11: Nấm hữu cơ;
- + Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-12:2023, Phần 12: Rau mầm hữu cơ;
- + Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-13:2023, Phần 13: Trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa.

- Chỉ thị số 117/CT-BNN-BVTV ngày 07/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ. Trong lộ trình phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững thì phân bón hữu cơ

được coi là nguồn nguyên liệu đầu vào tất yếu của quá trình sản xuất hữu cơ. Chỉ thị này đã triển khai trực tiếp xuống các cơ quan, ban ngành liên quan nhằm phối hợp vận động, tuyên truyền và áp dụng các sản phẩm phân bón hữu cơ. Trong đó, có các chính sách ưu tiên hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh các loại phân bón hữu cơ có chất lượng tốt.

- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030. Mục tiêu của đề án là phát triển nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của khu vực và thế giới; đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngang bằng với các nước tiên tiến trên thế giới. Đề án đã đặt ra các mục tiêu cụ thể về diện tích các loại đất trồng trọt, chăn nuôi cũng như nuôi trồng thủy sản. Đối với trồng trọt đưa ra cụ thể diện tích đạt được đối với các cây trồng chủ lực như lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, cây chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dừa... Đối với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, ngoài diện tích mục tiêu cụ thể còn nêu rõ các sản phẩm đặc trưng mang lợi thế vùng miền của Việt Nam. Để đạt được như mục tiêu, đề án cần phải thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ dựa trên các giải pháp cụ thể sau:

- 1) Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực;
- 2) Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ;
- 3) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ nông nghiệp hữu cơ;
- 4) Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực;
- 5) Phát triển các tổ chức chứng nhận, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kỹ thuật;
- 6) Tăng cường chế biến, thiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ;
- 7) Phát triển các vật tư đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Song hành với việc thực hiện các nhiệm vụ trên, cần có các giải pháp để thực hiện và đề án đã nêu rõ 05 giải pháp như sau:

- 1) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả sản thực thi pháp luật về nông nghiệp hữu cơ;
- 2) Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ;
- 3) Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế;
- 4) Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ;
- 5) Thông tin tuyên truyền.

- Luật BVMT năm 2020, lần đầu tiên dành riêng một điều khoản cụ thể để quy định về KTTH. Theo đó, khoản 1 Điều 142 đã đưa ra định nghĩa về KTTH “KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”. Định nghĩa này đã kế thừa quan điểm từ Chương trình Môi trường Liên hợp quốc và Liên minh châu Âu, giúp tạo sự thống nhất khi triển khai thực hiện

KTTH tại Việt Nam. Đồng thời, Luật BVMT 2020 cũng nhấn mạnh yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải. Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã cụ thể hóa các điều khoản quy định chung về kinh tế tuần hoàn (KTTH) chính thức ban hành đã đặt nền móng và tạo tiền đề đầu tiên cho một giai đoạn phát triển mới của ngành nông nghiệp Việt Nam.

- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn Việt Nam bao gồm các quan điểm sau:

+ Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH) là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

+ Phát triển KTTH phải dựa trên cách tiếp cận mở, hướng nhiều hơn đến tạo dựng không gian và thuận lợi cho phát huy hiệu quả kinh tế, trên cơ sở tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm huy động và sử dụng hiệu quả tri thức nhân loại, các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, các nguồn lực cần thiết từ khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài.

+ Phát triển KTTH cần bảo đảm khẩn trương, thực chất, hiệu quả, khả thi, có kế thừa những thực tiễn tốt ở các nước và trong nước, và mạnh dạn thử nghiệm trong các lĩnh vực cụ thể, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

+ Tập trung ban hành các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển KTTH, gắn với lộ trình, kết quả cụ thể, đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc và tạo dựng sự linh hoạt, chủ động nhằm sớm phát huy mô hình KTTH theo cấp độ phù hợp ở các ngành, lĩnh vực, địa phương; tránh áp dụng rập khuôn, đồng nhất KTTH cho toàn bộ nền kinh tế.

+ Phát triển KTTH bền vững trên cơ sở nâng cao nhận thức, sự chủ động, phát huy đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường.

- Quyết định 5190/QĐ-BNN-BVTV, ngày 07/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.



- Quyết định số 5145/QĐ-BNN-BVTV, ngày 18/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Phê duyệt “Đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

## **2. Các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025. Mục tiêu của chính sách là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển chung của ngành trên phạm vi cả nước, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, kết hợp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững. Cụ thể đối với trồng trọt: Đến năm 2025 tổng diện tích lúa chất lượng cao đạt 27.000 ha chiếm khoảng 50% diện tích lúa toàn tỉnh; diện tích sản xuất rau, hoa trong hệ thống nhà lưới, nhà kính ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 15 ha; phát triển diện tích cây ăn quả đạt khoảng 6.000 ha; tổng diện tích sản xuất trồng trọt theo quy trình VietGAP, hữu cơ đạt khoảng 1.000 ha. Nhằm đạt được mục tiêu đề ra, nghị quyết số 20/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế có các chính sách hỗ trợ như: Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm. Trong đó, đối với trồng trọt, các đề tài, dự án đầu tư cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có quy mô từ 500 m<sup>2</sup> trở lên; Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP với các hạng mức hỗ trợ cụ thể. Nghị quyết còn có chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Ngoài ra, Nghị định còn có các chính sách hỗ trợ chi phí đầu vào cho các cơ sở sản xuất hữu cơ.

- Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, Nghị định số 30/2021/NQ-HĐND bổ sung thêm các điều khoản gồm: 1) Khoản 4 - Điều 4 như sau: “Trường hợp tại một thời điểm có nhiều cơ sở sản xuất cùng đề nghị hỗ trợ thì thứ tự ưu tiên lựa chọn cơ sở sản xuất để hỗ trợ như sau: a) Có hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; b) Có sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn hữu cơ; c) Có sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP; d) Cơ sở sản xuất giống; đ) Cơ sở sản xuất có dự án, nội dung đầu tư với tổng mức, quy mô lớn hơn sẽ được ưu tiên hỗ trợ. 2) Điều 7 bổ sung trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ cho các nội dung đã ban hành trong Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND.

- Kế hoạch số 491/KH-UBND ngày 30/12/2022 về triển khai Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Biên bản hợp tác giữa UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Công ty CPTĐ Quế Lâm về xây dựng, mở rộng và phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Mặt khác, tỉnh còn xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp; tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; cải thiện môi trường đầu tư thu hút nguồn lực, đặc biệt trong khu vực kinh tế tư nhân gắn với phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển tuần hoàn.

## **PHẦN II**

# **CƠ HỘI, THÁCH THỨC, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024-2030**

## **I. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC, QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

### **1. Cơ hội**

- Về công tác chỉ đạo, điều hành:

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/2/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định “*Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch, nhất là ở các địa bàn miền núi*” là định hướng xuyên suốt để đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và thương hiệu nông sản; nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, trong đó có chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Kế hoạch số 491/KH-UBND ngày 30/12/2022 về triển khai Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 - 2030 đang được xây dựng.

Trong những năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ với mục đích cung cấp thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn cho người dân địa phương và khách du lịch. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025 với nhiều nội dung quan trọng, trong đó ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành các chính sách huy động các nguồn lực để phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị như phân bổ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, huy động nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp...

Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã thành lập Hội Nông nghiệp hữu cơ nhằm tuyên truyền, vận động, tư vấn, nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động về

nông nghiệp hữu cơ cho các tổ chức và người dân. Từ đó, từng bước thay đổi nhận thức và tập quán sản xuất nhỏ lẻ của người dân, tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác với doanh nghiệp đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng cầu nối với hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và mang lại niềm tin cho người dân sản xuất nông sản hữu cơ và theo hướng hữu cơ.

Mạng lưới kinh tế tuần hoàn Thừa Thiên Huế được thành lập. Đây là bước ngoặt để thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo địa phương có thêm nhiều nhân tố khởi nghiệp với những giải pháp cho môi trường, có nhiều doanh nghiệp tham gia thay đổi mô hình kinh tế để phát triển bền vững theo các tiêu chí xanh về môi trường.

Từ năm 2019 đến nay, Dự án thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế (VIE/433) do Chính phủ Luxembourg tài trợ đã hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, đã thành lập 20 nhóm nông dân PGS và 03 liên nhóm PGS tại 03 huyện Quảng Điền, Phú Vang và Phú Lộc.

- Về điều kiện tự nhiên: Thừa Thiên Huế là một tỉnh đa dạng cảnh quan từ miền núi, gò đồi đến đồng bằng, vùng ven biển gắn với nhiều địa danh nổi tiếng trong cả nước và quốc tế. Nếu các cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình biết tận dụng lợi thế xây dựng chuỗi liên kết phục vụ du lịch kết nối với nông nghiệp hữu cơ và bảo vệ môi trường sẽ tạo đà thúc đẩy sinh kế hộ và kinh tế Thừa Thiên Huế theo hướng an toàn và bền vững.

- Về giá trị và nhận thức người tiêu dùng: Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh, hiểu rõ hơn về lợi ích từ các sản phẩm hữu cơ. Mặc dù giá sản phẩm hữu cơ cao hơn so với sản phẩm thông thường nhưng một bộ phận người tiêu dùng vẫn sử dụng chấp nhận.

- Về khoa học kỹ thuật (KHKT): Nhiều đề tài, dự án về nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị được hình thành, hỗ trợ chuyên gia khoa học, kỹ thuật sẽ giúp cho các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn có lợi thế tiếp thu KHCN, đẩy mạnh sản xuất và thu hút khách du lịch, kiến tạo Thừa Thiên Huế trở thành nơi sống lý tưởng, an toàn.

- Những năm trở lại đây, tỉnh Thừa Thiên Huế mở rộng vùng chuyên canh sản xuất lúa hữu cơ, VietGAP, sản xuất hữu cơ một số cây ăn quả (như Thanh trà) và một số cây trồng khác... thông qua việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Theo đó, nông dân sản xuất không sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và chỉ áp dụng kỹ thuật cao; doanh nghiệp thu mua và hỗ trợ kỹ thuật, vốn, giống cho nông dân. Điển hình là mô hình liên kết giữa Công ty TNHH Một thành viên Nông sản hữu cơ Quế Lâm với các Hợp tác xã Nông nghiệp để sản xuất giống lúa hữu cơ, chất lượng cao, công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế (Tamaco) ... Các vùng sản xuất này đều có sự liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, nhằm tạo ra thương hiệu sản phẩm “sạch” có giá trị cao.

- Ban Điều phối PGS tỉnh Thừa Thiên Huế Huế đã được Hội Nông nghiệp hữu cơ thành lập ngày 07/10/2022 để chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho nông dân.

## 2. Thách thức

- Tỉnh Thừa Thiên Huế có đến 4/5 diện tích đồi núi và gò đồi, dải đất phù sa hẹp và tỷ lệ diện tích đất cát ven biển chiếm tỷ trọng lớn. Đất đồi núi luôn có hiện tượng xói mòn và sạt lở và đất đồng bằng hay bị úng ngập vào mùa mưa. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, hiện tượng El Nino, Lanina tiếp tục kéo dài gây khó khăn cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Nông nghiệp của tỉnh tuy có tăng trưởng nhưng thiếu bền vững, khả năng cạnh tranh thấp, dễ bị tổn thương trước tác động của thiên tai, dịch bệnh phức tạp và diễn biến bất lợi của thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, so với vị trí, vai trò và yêu cầu phát triển, hiệu quả đầu tư chưa cao. Do vậy, tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực và sản phẩm chủ lực vẫn còn chậm, chưa có những đột phá tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp. Chất lượng, khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất của nhiều loại nông sản còn thấp, hiệu quả chưa cao; đổi mới tổ chức sản xuất còn nhiều bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa lớn; các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất phát triển chậm, hiệu quả chưa ổn định; kinh tế hộ nhỏ lẻ, ruộng đất sản xuất manh mún ngày càng bộc lộ những hạn chế, yếu kém và cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Công tác ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ còn chậm, chưa tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị tăng thêm cho sản phẩm. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế. Chẳng hạn, năng suất bưởi Thanh trà ở các vùng trong tỉnh hiện chênh lệch khá nhiều, chất lượng bưởi phụ thuộc rất nhiều vào kỹ thuật canh tác của người dân, chất lượng giống và điều kiện thổ nhưỡng. Tuy vậy thực trạng hiện tại là đa số người dân sản xuất bưởi Thanh trà vẫn còn hạn chế về kỹ thuật (như cắt tia cây, sử dụng phân bón, sử dụng thuốc BVTV...), việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa đồng bộ, ở một số vùng bưởi thì người dân hầu như chỉ thực hiện theo kinh nghiệm truyền thống, sản xuất không kết hợp với phục hồi độ màu mỡ của đất gây suy thoái và ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất bưởi Thanh trà.

- Chưa có chính sách hỗ trợ đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp, người dân trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giá nông sản vẫn tùy thuộc theo từng vùng và lên xuống thất thường, người dân bị tư thương ép giá.

- Công tác quản lý nhà nước về chất lượng nông lâm thủy sản, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tuy có cải thiện, nhưng vẫn còn một số địa phương chưa quan tâm; chưa kịp thời kiểm tra phát hiện cơ sở sử dụng các chất cấm trong chế biến thực phẩm; một số đơn vị chưa chấp hành tốt điều kiện vệ sinh trong sản xuất, kinh doanh,...

- Hệ thống kênh mương nội đồng được đầu tư trước đây theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, qua thời gian sử dụng do tác động của lũ lụt, nhiều tuyến đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa có kinh phí để sửa chữa, nâng cấp. Nhiều trạm bơm, nhất là các trạm bơm tiêu úng ở vùng thấp trũng chưa đáp ứng được công suất tiêu úng khi có lũ lụt.

- Trong xây dựng nông thôn mới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tham gia vào chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới 2021 - 2025. Tuy nhiên, nguồn

lực hỗ trợ từ TW và từ Tỉnh được thông báo còn rất ít so với nhu cầu thực hiện mục tiêu kế hoạch. Mặt khác, việc lồng ghép các Chương trình dự án để thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, bất cập, bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp còn thiếu và yếu, nhất là cấp huyện và xã, trong khi nhiệm vụ thực hiện Chương trình nhiều hơn.

- Nông thôn đã có bước chuyển biến, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở nông thôn được cải thiện, nhưng so với mặt bằng chung thì nông thôn vẫn nghèo và phát triển chậm, thu nhập của người dân nông thôn vẫn còn thấp; tỷ lệ người nghèo giảm đáng kể trong thời gian qua nhưng vẫn còn tỷ lệ cao và thiếu bền vững, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn khá cao, dễ tái nghèo, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường và suy thoái hệ sinh thái hệ sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai do nuôi trồng thủy sản chưa hợp lý, ngăn cản dòng chảy, chất thải trực tiếp xuống dòng nước, nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Tình hình thiên tai lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất, ngân sách đầu tư hỗ trợ còn ít so với yêu cầu sản xuất.

- Diện tích các loại cây trồng phân tán, nhỏ lẻ, diện tích canh tác bình quân trên hộ thấp nên khó hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy mô lớn. Việc áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào trồng trọt có hiệu quả còn hạn chế, chưa phát huy hết tiềm năng năng suất, chất lượng của một số cây trồng.

- Doanh nghiệp tổ chức liên kết sản xuất, bao tiêu các loại nông sản chưa nhiều nên sản phẩm chưa có đầu ra ổn định. Giá nông sản còn thấp, giá vật tư đầu vào cao ảnh hưởng đến việc đầu tư chăm sóc, giá trị thu nhập của bà con nông dân còn thấp.

- Năng lực tiếp cận thị trường, tiếp cận công nghệ của nông dân hạn chế, chuyên dịch lao động tuy có diễn ra song vẫn chưa đảm bảo sự ổn định lâu dài, chưa bảo đảm nhu cầu cuộc sống của người dân nông thôn.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là khi đưa vào sản xuất quy mô lớn còn khó khăn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp mới chỉ tồn tại ở dạng mô hình thử nghiệm và đa phần có sự bảo trợ của Nhà nước; nguồn nhân lực, lao động có trình độ cao, có tay nghề trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thiếu.

- Chính sách và cơ chế cho sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị chưa đầy đủ như chính sách về thị trường cho các sản phẩm hữu cơ; chính sách đặc thù hỗ trợ cho mô hình liên kết chuỗi; vốn đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học mới, giá cả... Đặc biệt, việc thực hiện sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo đúng quy trình còn gặp nhiều khó khăn (do tập quán canh tác, sử dụng phân bón, thuốc BVTV...). Mặt khác chưa có nhiều tổ chức chứng nhận cho sản phẩm hữu cơ nên đã ảnh hưởng tới tâm lý của người sản xuất và tiêu dùng.

Các sản phẩm không được cấp chứng nhận hữu cơ được nông dân bán với giá ngang với giá sản phẩm VietGAP. Trong khi đó, sản xuất theo quy trình hữu cơ có năng suất thấp hơn, chi phí sản xuất cao hơn nên giá thành sản phẩm hữu

cơ cao hơn sản phẩm VietGAP. Đây là một thách thức trong việc duy trì và mở rộng diện tích sản xuất hữu cơ của nông dân.

Khó khăn và trở ngại lớn trong việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị là thị trường tiêu thụ, giá của sản phẩm hữu cơ được bán ngang với sản phẩm thông thường trong khi yêu cầu sản xuất sản phẩm hữu cơ đòi hỏi khắt khe hơn nhiều; đầu tư với giá trị lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại... Mặt khác, nhiều sản phẩm không phải là sản phẩm hữu cơ nhưng vẫn "gắn mác" sản phẩm hữu cơ gây hiểu lầm, mất lòng tin của người tiêu dùng.

### **3. Quan điểm phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị phải được triển khai cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng: Tăng cường áp dụng rộng rãi các biện pháp hữu cơ (phân bón hữu cơ, thuốc sinh học...) trong sản xuất nông nghiệp và từng bước tăng dần tỷ lệ sản phẩm hữu cơ được chứng nhận theo yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường an toàn cho người nông dân và sản phẩm hàng hóa có giá trị tăng cao.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị phải huy động tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình.

- Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, thân thiện với môi trường

- Việc triển khai thực hiện Đề án cần gắn với Chương trình Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023 – 2030, Đề án “Phát triển vùng nguyên liệu và các sản phẩm dược liệu gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030”, Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025”, Đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025”. Đề án “Phát triển cây ăn quả tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025”, Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025”, Đề án Phát triển thủy sản đặc sản vùng đầm phá Tam Giang-Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế). Chương trình “Hỗ trợ

doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030”, Kế hoạch “Đào tạo kết hợp chuyển giao kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025”,... và các Đề án, Chương trình và Kế hoạch liên quan do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

## **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, góp phần ổn định đời sống cho người dân trên địa bàn tỉnh gắn với tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực, khả năng tổ chức sản xuất, sức cạnh tranh trong chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Đánh giá đúng thực trạng phát triển cây trồng, vật nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong thời gian qua ở cả 3 vùng sinh thái đặc trưng của tỉnh bao gồm vùng gò đồi, miền núi; vùng đồng bằng; vùng ven biển, đầm phá, tìm ra được những tồn tại, hạn chế, và nguyên nhân.

- Lựa chọn được những loại cây trồng, vật nuôi, những loại sản phẩm thuộc các sản phẩm chủ lực của tỉnh để sản xuất theo hướng hữu cơ và hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Khảo sát sơ bộ hiện trạng môi trường (đất, nước) tại các khu vực có tiềm năng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xác định được các vùng, khu vực, quy mô (diện tích, số con) sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Xác định được các mô hình điềm về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo hướng hữu cơ và hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Xác định được các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản phẩm hữu cơ, tập trung các sản phẩm có trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **1. Định hướng chung**

- Ổn định và phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, có chất lượng và hiệu quả theo hướng tập trung vào một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đẩy mạnh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Coi trọng ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao; Khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và hữu cơ, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa theo hướng hữu cơ tập trung, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.



- Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất cây trồng, vật nuôi hữu cơ, kinh tế tuần hoàn để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực có giá trị kinh tế cao, an toàn và chất lượng; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh.

- Tiếp tục tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với thị trường, trong đó xác định doanh nghiệp/HTX là hạt nhân, nông dân là chủ thể thực hiện; Kêu gọi, tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, nhất là công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói, truy xuất nguồn gốc sau thu hoạch để thúc đẩy sản xuất phát triển; củng cố mở rộng quy mô các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông sản hữu cơ chủ lực của tỉnh.

- Thực hiện chuyển giao các ứng dụng tiến bộ KHKT, các mô hình sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị hiệu quả, nhằm nâng cao thu nhập cho người nông dân trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **2. Định hướng cụ thể**

### **2.1. Trồng trọt**

#### **2.1.1. Mục tiêu chung**

Phát triển sản xuất và tạo ra sản phẩm cây trồng chủ lực của tỉnh theo hướng hữu cơ và hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng thu nhập cho người dân và tạo cảnh quan môi trường tốt.

#### **2.1.2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2026:

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng trên 0,5 - 1,0% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, lạc, rau các loại, sen, bưởi các loại, chuối, cam, các cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, sắn, cỏ).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 1,0 ha đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với chi phí hữu cơ.

Đến năm 2030:

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 1,0-1,5% tổng diện tích đất trồng trọt đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, lạc, rau các loại, sen, bưởi các loại, chuối, cam, các cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, sắn, cỏ).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất trồng trọt hữu cơ theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với phi hữu cơ.

#### **2.1.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục III)**

##### **a. Lúa hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

- Quy mô: 450 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 1. Kế hoạch thực hiện sản xuất lúa hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong Sơn, Điền Hòa, Phong Chương	30	50
2	Quảng Điền	Quảng Thọ, Quảng Phú, Quảng Vinh, Quảng Phước,...	20	50
3	Hương Trà	Hương Xuân, Hương Toàn, Hương Văn, ....	20	50
4	Huế	Hương Long, Hương An, Phú Thanh, Phú Mậu, Phú Dương, Hương Phong, Hương Sơ,...	10	20
5	Hương Thủy	Thủy Dương, Thủy Thanh, Thủy Châu, Thủy Phù, Thủy Phương, Thủy Lương, ...	30	50
6	Phú Vang	Phú Lương, Phú An, Phú Mỹ, ...	20	65
7	Phú Lộc	Lộc An, Lộc Bồn,...	15	30
8	A Lưới	Sơn Thủy, TT A Lưới, xã A Ngo, ...	5	15
		<b>Tổng số</b>	<b>150</b>	<b>300</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần rơm rạ của cây lúa sau thu hoạch được sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi bò, làm giá thể trồng nấm, làm phân bón hữu cơ, vùi trả lại vào đất phần gốc rạ.

*b. Lạc hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 105 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 2. Kế hoạch thực hiện sản xuất lạc hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Hòa,	10	10

		Phong Sơn, Điền Hòa, Điền Lộc,..		
2	Quảng Điền	Quảng Thọ, Quảng Phú, Quảng Lợi, Quảng Thái,...	10	5
3	Hương Trà	Hương Xuân, Hương Vân, Hương Văn, Hương Chũ, ....	10	5
4	TP Huế	Hương Long, Hương An,..	5	5
5	Hương Thủy	Thủy Châu, Thủy Phù, ...	10	5
6	Phú Vang	Phú Đa, Vinh An, Phú Xuân	8	8
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ, Giang Hải,...	7	7
		<b>Tổng số</b>	<b>60</b>	<b>45</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần thân lá, bã khô dầu lạc của cây lạc sau thu hoạch được sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ, vùi trả lại vào đất.

*c. Rau hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 43 ha

- Kế hoạch sản xuất:

**Bảng 3. Kế hoạch thực hiện sản xuất rau hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Thu, Phong Hiền, Phong An, ...	0	3
2	Quảng Điền	Quảng Thọ, Quảng Thành,...	3	5
3	Hương Trà	Hương Xuân, Hương Chũ, ....	2	3
4	Phú Xuân	Hương Long, Hương An, Kim Long, Dương Nổ,..	2	5
5	Hương Thủy	Thủy Dương, Thủy Thanh, Thủy Châu, Thủy Phù, ...	3	3
6	Phú Vang	Vinh Xuân, Vinh Thanh	2	2
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ	3	2
8	Nam Đông	Hương Lộc, Hương Phú, Hương Xuân	3	2

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
		<b>Tổng số</b>	<b>18</b>	<b>25</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần thân lá của cây rau sau thu hoạch không ăn được sẽ được sử dụng cho chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ.

*d. Bưởi (da xanh, thanh trà, bưởi khác) hữu cơ theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 105 ha

- Kế hoạch sản xuất:

**Bảng 4. Kế hoạch thực hiện sản xuất bưởi hữu cơ theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)					
			Giai đoạn 1: 2024-2026			Giai đoạn 2: 2027-2030		
			Thanh trà	Bưởi da xanh	Bưởi khác	Thanh trà	Bưởi da xanh	Bưởi khác
1	Phong Điền	Phong An, Phong Thu, Phong Sơn	5	5	0	10	5	5
2	Hương Trà	Hương Vân, Bình Thành, Bình Tiến, Hương Bình	5	5	0	5	5	0
3	TP Huế	Thủy Bằng, Thủy Biều, Hương Thọ	7	1	5	10	5	5
4	Hương Thủy	Dương Hòa, Phú Sơn	0	2	0	5	0	0
5	Phú Lộc	Lộc Bồn, Vinh Hưng, Lộc Hòa, Xuân Lộc	0	10	0	0	5	0
		<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>5</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

*e. Sen hữu cơ theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 55 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 5. Kế hoạch thực hiện sản xuất sen hữu cơ theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Xuân	3	5
2	Quảng Điền	Quảng Thái, Quảng Lợi, Quảng Vinh	2	5
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Xuân, Hương Vân, Hương Chũ	2	5
4	TP Huế	Kim Long, An Hòa, Thuận Hòa, Hương Thọ, Hương Hồ	3	5
5	Hương Thủy	Thủy Lương, Thủy Phương	1	3
6	Phú Vang	Phú Mỹ, Vinh Thanh	2	14
7	Phú Lộc	Lộc Tiến, Lộc An	2	3
		<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>40</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

f. Chuỗi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị

- Quy mô: 120 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 6. Kế hoạch thực hiện sản xuất chuỗi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Nam Đông	Hương Sơn, Thượng Nhật, Hương Xuân	3	2
2	A Lưới	Quảng Nhâm, Hồng Bắc	37	78
		<b>Tổng số</b>	<b>40</b>	<b>80</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần thân của cây chuối sau thu hoạch được sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ.

g. Cam hữu cơ theo chuỗi giá trị

- Quy mô: 25 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 7. Kế hoạch thực hiện sản xuất cam hữu cơ theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Nam Đông	Hương Phú, Hương Lộc, Hương Xuân	17	0
2	TP Huế	Thủy Bằng và An Tây	3	5
		<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>5</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

**2.2. Vùng trồng nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

**2.2.1. Mục tiêu chung**

Phát triển sản xuất và tạo ra sản phẩm nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi phục vụ sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

**2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Đáp ứng 80% nguyên liệu thô trong cung cấp thức ăn chăn nuôi phục vụ sản xuất hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2.2.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục III)**

**a. Ngô hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

- Quy mô: 35 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 8. Kế hoạch thực hiện sản xuất ngô hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Sơn, Phong Hòa, ..	1	2
2	Quảng Điền	Quảng Phú, Quảng Thái, Quảng Lợi,..	1	2
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Vân, Hương Xuân, Bình Tiến,..	1	2
4	TP Huế	Hương Thọ, Hương Hồ, Hương An	1	1
5	Hương Thủy	Thủy Phù, Thủy Châu, Thủy Lương	1	2
6	Phú Vang	Phú Xuân, Phú Mỹ	1	1

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ, Vinh Hiền, Lộc An, ..	1	1
8	A Lưới	Hồng Bắc, Quảng Nhâm,...	8	9
		<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>20</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần thân lá của cây ngô sau thu hoạch được sử dụng cho chăn nuôi bò, làm phân bón hữu cơ.

*b. Sản hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 170 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 9. Kế hoạch thực hiện sản xuất sản hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Sơn, Phong Hòa,...	3	5
2	Quảng Điền	Quảng Phú, Quảng Thái, Quảng Lợi, ...	3	5
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Vân, Hương Xuân, Bình Tiến, ...	2	5
4	TP Huế	Hương Thọ, Hương Hồ, Hương An, ...	1	2
5	Hương Thủy	Thủy Phù, Thủy Châu, Thủy Lương	2	5
6	Phú Vang	Vinh Xuân, Phú Diên	2	3
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ, Vinh Hiền, Lộc An, ...	2	3
8	A Lưới	Hồng Bắc, Quảng Nhâm, Hồng Thượng,...	65	62
		<b>Tổng số</b>	<b>80</b>	<b>90</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Sản phẩm sau thu hoạch được sử dụng cho chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ.

c. *Cỏ hữu cơ*

- Quy mô: 17 ha

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 10. Kế hoạch thực hiện sản xuất cỏ hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Sơn, Phong Hòa,...	1	1
2	Quảng Điền	Quảng Phú, Quảng Thái, Quảng Lợi, ...	1	1
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Vân, Hương Xuân, Bình Tiến, ...	1	1
4	TP Huế	Hương Thọ, Hương Hồ, Hương An	0,5	0,5
5	Hương Thủy	Thủy Phù, Thủy Châu, Thủy Lương	1	1
6	Phú Vang	Phú Xuân, Phú Mỹ	1	1
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ, Vinh Hiền, Lộc An, ...	1	1
8	Nam Đông	Hương Xuân, Thượng Quảng ...	2	0
9	A Lưới	Hồng Bắc, Quảng Nhâm, Hồng Thượng,...	1	1
		<b>Tổng số</b>	<b>9,5</b>	<b>7,5</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phần thân lá cỏ khi thu hoạch được sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi bò.

### **2.3. Chăn nuôi**

#### **2.3.1. Mục tiêu chung**

Phát triển sản xuất và tạo ra sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh theo hướng hữu cơ và hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng thu nhập cho người dân và tạo cảnh quan môi trường tốt.

#### **2.3.2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2026:

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 0,5 - 1,0% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi chủ lực được ưu tiên: Thịt gia súc, gia cầm,...



- Nâng cao hiệu quả của sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với phi hữu cơ.

Đến năm 2030:

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 1,0 - 1,2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi chủ lực được ưu tiên: Thịt gia súc, gia cầm,...

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,2 - 1,5 lần so với phi hữu cơ.

### 2.3.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục IV)

#### a. Nuôi lợn hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị

- Quy mô: 125 lợn nái, 4.500 lợn thịt

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 11. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi lợn hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Số con (con)			
			Giai đoạn 1: 2024-2026		Giai đoạn 2: 2027-2030	
			Lợn nái	Lợn thịt	Lợn nái	Lợn thịt
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong Thu, Phong Thạnh, Điền Môn, Điền Hải,...	10	400	10	500
2	Quảng Điền	Quảng Vinh, Quảng Thái, Quảng Lợi,...	10	200	5	300
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Vân, Hương Xuân,...	5	100	5	200
4	TP Huế	Hương Thọ, Hương Hồ, Hương An, ...	3	50	5	200
5	Hương Thủy	Thủy Châu, Thủy Phù, Thủy Lương, Phú Sơn, Dương Hoà, Thủy Phương ...	10	350	5	400
6	Phú Vang	Phú Lương, Phú Xuân, Vinh Xuân, Vinh Thanh, ...	9	150	5	300
7	Phú Lộc	Giang Hải, Vinh Hưng, Lộc Bồn, Lộc Điền,	10	150	5	200
8	Nam	Hương Hữu, Thượng	15	300 lợn	5	200

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Số con (con)			
			Giai đoạn 1: 2024-2026		Giai đoạn 2: 2027-2030	
	Đông	Quảng, Hương Lộc...		thịt, 200 lợn rừng		
9	A Lưới	Hồng Bắc, Quảng Nhâm,...	3	100	5	200
		<b>Tổng số</b>	<b>75</b>	<b>2.000</b>	<b>50</b>	<b>2.500</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phát triển và mở rộng quy mô đàn lợn với các giống lợn bản địa hoặc lợn lai giữa giống cao sản và giống bản địa, sử dụng các nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương. Chăn nuôi lợn sinh sản kết hợp nuôi thịt, nguồn phân thải ra được xử lý làm phân bón cho cây trồng.

*b. Nuôi bò hữu cơ*

- Quy mô: 205 con bò cái sinh sản, 850 con bò thịt.

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 12. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi bò hữu cơ, tuân hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Số con (con)			
			Giai đoạn 1: 2024-2026		Giai đoạn 2: 2027-2030	
			Bò cái sinh sản	Bò thịt	Bò cái sinh sản	Bò thịt
1	Phong Điền	Phong An, Phong Hiền, Phong Sơn, Phong Xuân, Phong Mỹ, Phong Chương, Phong Hoà, Phong Thu,...	10	50	10	50
2	Quảng Điền	Quảng Phú, Quảng Vinh, Quảng Lợi,...	10	50	10	50
3	Hương Trà	Hương Vân, Hương Toàn, Bình Tiến, Hương Bình,...	10	50	10	50
4	TP Huế	Hương Thọ, Hương Hồ,...	5	10	5	20
5	Hương Thủy	Thủy Phù, Phú Sơn, Dương Hòa, Thủy Phương...	15	50	15	60
6	Phú Lộc	Lộc Bôn, Xuân Lộc, Lộc	20	50	20	50

STT	Huyện/	Xã/nhờn	Số con (con)			
			Giai đoạn 1: 2024-2026		Giai đoạn 2: 2027-2030	
		An, Lộc Hoà, Thượng Quảng, Hương Hữu, Hương Xuân ...				
7	Nam Đông	Thượng Quảng, Hương Hữu, Hương Xuân ...	10	50	5	70
8	A Lưới	Hồng Bắc, Quảng Nhâm, Trung Sơn...	30	90	20	100
		<b>Tổng số</b>	<b>110</b>	<b>400</b>	<b>95</b>	<b>450</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Phát triển đàn bò hữu cơ với chu trình khép kín, tuần hoàn trên cơ sở đàn bò cái hiện có tại các địa phương, ứng dụng kỹ thuật bảo quản, chế biến thức ăn từ rơm khô kết hợp các phụ phẩm nông nghiệp như bã sắn, hèm bia, rỉ mật để phối trộn làm thức ăn cho bò, trồng cây thức ăn, đảm bảo đủ nguồn thức ăn vào mùa đông, hạ giá thành sản xuất tăng hiệu quả kinh tế mô hình, chất thải được xử lý và dùng làm nguyên liệu cho trồng trọt, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm tối đa sự lãng phí, thất thoát trong sản xuất và lượng chất thải ra môi trường.

*d. Nuôi gà hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Quy mô: 32.000 con

- Kế hoạch thực hiện:

**Bảng 13. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi gà hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Số con (con)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
1	Phong Điền	Phong Hiền, Phong An, Phong Thu, Phong Sơn, Phong Hòa,...	1.000	1.000
2	Quảng Điền	Quảng Phú, Quảng Thái, Quảng Lợi,...	1.000	1.000
3	Hương Trà	Hương Toàn, Hương Vân, Hương Chữ, Bình Tiến,...	700	1.000
4	TP Huế	Hương Hồ, Hương Thọ, Hương An,...	500	1.000
5	Hương Thủy	Thủy Phương, Phú Sơn, Thủy Phù,...	2.000	3.000

STT	Huyện/ Thị xã	Xã/phường	Số con (con)	
			Giai đoạn 1: 2024-2026	Giai đoạn 2: 2027-2030
6	Phú Vang	Phú Xuân,...	2.000	2.000
7	Phú Lộc	Vinh Mỹ, Lộc Bồn,	3.800	3.000
8	Nam Đông	Hương Hữu, Hương Xuân, Hương Phú, Hương Lộc ...	3.000	3.000
9	A Lưới	Hương Phong...	1.000	2.000
		<b>Tổng số</b>	<b>15.000</b>	<b>17.000</b>

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách và đối ứng từ người dân.

- Sử dụng một số cây trồng sản xuất ở trên và côn trùng giàu như ruồi lính đen, giun quế... làm nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng trong khâu phân, giúp đàn gà khỏe mạnh, ít bị bệnh, tăng trọng nhanh, rút ngắn thời gian nuôi, hạn chế việc dùng kháng sinh trong phòng và điều trị bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc sử dụng đệm lót kết hợp chế phẩm sinh học giúp giảm mùi hôi, giảm ô nhiễm môi trường, các chất thải chăn nuôi gia cầm được thu gom làm phân bón hữu cơ cho cây trồng.

## 2.4. Thủy sản

### 2.4.1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất và tạo ra sản phẩm thủy sản chủ lực của tỉnh theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng thu nhập cho người dân và tạo cảnh quan môi trường tốt.

### 2.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2026:

- Tỷ lệ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 0,3 – 0,5% tính trên tổng sản phẩm thủy sản sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm thủy sản chủ lực được ưu tiên: Cá (đìa, nâu, đối,...), tôm (sú, chân trắng,...).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 0,5 - 1,0 lần so với phi hữu cơ.

Đến năm 2030:

- Tỷ lệ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị đạt khoảng 0,5 - 1,0% tính trên tổng sản phẩm thủy sản sản xuất trong tỉnh. Các sản phẩm thủy sản chủ lực được ưu tiên: Cá (đìa, nâu, đối,...), tôm (sú, chân trắng,...).

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên thủy sản hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị cao gấp 1,0 - 1,2 lần so với phi hữu cơ.

### 2.4.3. Kế hoạch sản xuất (Phụ lục V)

*a. Ương giống cá, tôm phục vụ cung ứng giống cho các vùng nuôi*

- Qui mô: 5 ha

- Kế hoạch sản xuất:

+ Giai đoạn 2024-2026: 1 ha tại vùng cát ven biển thị xã Phong Điền, 1 ha tại huyện Quảng Điền, 0,5 ha tại huyện Phú Vang và 0,5 ha tại huyện Phú Lộc.

+ Giai đoạn 2027-2030: 0,5 ha tại vùng cát ven biển thị xã Phong Điền, 0,5 ha tại huyện Quảng Điền, 0,5 ha tại huyện Phú Vang và 0,5 ha tại huyện Phú Lộc.

*b. Nuôi cá (dìa, nâu, đoi) theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Qui mô: 20 ha

- Kế hoạch sản xuất

+ Giai đoạn 2024-2026: 3,0 ha tại thị xã Phong Điền, 3,0 ha tại huyện Quảng Điền, 3,0 ha tại huyện Phú Vang và 3,0 ha tại huyện Phú Lộc.

+ Giai đoạn 2027-2030: 2,0 ha tại thị xã Phong Điền, 2,0 ha tại huyện Quảng Điền, 2,0 ha tại huyện Phú Vang và 2,0 ha tại huyện Phú Lộc.

*c. Nuôi tôm (sú, chân trắng) theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Qui mô: 23 ha (ao đất và ao lót bạt)

- Kế hoạch sản xuất

+ Giai đoạn 2024-2026: 5 ha tại thị xã Phong Điền, 5 ha tại huyện Quảng Điền, 3 ha tại huyện Phú Vang và 2 ha tại huyện Phú Lộc.

+ Giai đoạn 2027-2030: 2 ha tại thị xã Phong Điền, 2 ha tại huyện Quảng Điền, 2 ha tại huyện Phú Vang và 2 ha tại huyện Phú Lộc.

*d. Nuôi xen ghép cá, tôm theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị*

- Qui mô: 23 ha

- Kế hoạch sản xuất

+ Giai đoạn 2024-2026: 5 ha tại thị xã Phong Điền, 5 ha tại huyện Quảng Điền, 3 ha tại huyện Phú Vang và 2 ha tại huyện Phú Lộc.

+ Giai đoạn 2027-2030: 2 ha tại thị xã Phong Điền, 2 ha tại huyện Quảng Điền, 2 ha tại huyện Phú Vang và 2 ha tại huyện Phú Lộc.

Mô hình nuôi xen ghép tôm, cá bao gồm từ khâu xử lý môi trường, chọn con giống, thức ăn, cho đến hệ thống chứa nước cấp dự trữ để cho năng suất cao và không xảy ra dịch bệnh.

### **3. Nội dung**

#### ***3.1. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

Ưu tiên lựa chọn các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường để sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

a) Vùng trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Ưu tiên phát triển các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, ... có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi phù hợp đối tượng cây trồng chủ lực, thực hiện chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Đến năm 2026: Vùng sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị là 452,5 ha; bao gồm lúa (150 ha), lạc (60 ha), rau (18 ha), bưởi các loại (45 ha) và cam (20 ha); sen (15 ha), chuối (40 ha); ngoài ra còn vùng sản xuất các cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi như ngô (15 ha), sắn (80 ha), cỏ (9,5 ha).

- Đến năm 2030: Vùng sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị là 672,5 ha; bao gồm lúa (300 ha), lạc (45 ha), rau (25 ha), bưởi các loại (60 ha) và cam (5 ha); sen (40 ha), chuối (80 ha); ngoài ra còn vùng sản xuất các cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi như ngô (20 ha), sắn (90 ha), cỏ (7,5 ha).

b) Vùng chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực như: chăn nuôi lợn, gia cầm (gà), bò.

- Đến năm 2026: Vùng chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị bao gồm bò cái sinh sản (110 con), bò thịt (400 con); lợn nái (75 con), lợn thịt (2.000 con); lợn rừng lai (200 con); gà (15.000 con).

- Đến năm 2030: Vùng chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị bao gồm bò cái sinh sản (95 con), bò thịt (450 con); lợn nái (50 con), lợn thịt (2.500 con); gà (17.000 con).

c) Vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Xây dựng các vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực như: cá (đìa, nâu, trôi), tôm (sú, thẻ chân trắng).

- Đến năm 2026: Vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị bao gồm cá (đìa, nâu, trôi) (12 ha), tôm (sú, thẻ chân trắng) (15 ha), nuôi xen ghép cá, tôm (15 ha), ương giống cá, tôm (3 ha).

- Đến năm 2030: Vùng thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị bao gồm cá (đìa, nâu, trôi) (8 ha), tôm (sú, thẻ chân trắng) (8 ha), nuôi xen ghép cá, tôm (8 ha), ương giống cá, tôm (2 ha).

### **3.2. Xác định các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị**

Lựa chọn, xây dựng khoảng 21 mô hình điểm, thực hiện hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật chuyển đổi sang sản xuất theo hướng hữu cơ và hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ, gồm:

*3.2.1. Mô hình trồng trọt: Sản xuất lúa, rau màu, cây ăn quả... đạt chứng nhận hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI)*

Xây dựng khoảng 11 mô hình trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị/23 địa điểm, gồm có:

- Mô hình sản xuất lúa hữu cơ, tuần hoàn và phát triển chuỗi giá trị gạo (3 địa điểm đại diện cho 3 vùng miền núi, đồng bằng và ven biển, 5 ha/địa điểm tại huyện Phong Điền, thị xã Hương Thủy, huyện Nam Đông).

- Mô hình sản xuất lạc hữu cơ, tuần hoàn và phát triển chuỗi giá trị dầu lạc (2 địa điểm đại diện cho 2 vùng đồng bằng và ven biển, 2 ha/địa điểm tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền).

- Mô hình trồng mới, nâng cao giá trị thương mại, chuỗi cung ứng cho Thanh trà hữu cơ (3 địa điểm, 1 ha/địa điểm tại thành phố Huế, thị xã Hương Trà và huyện Phong Điền).

- Mô hình trồng mới, nâng cao giá trị thương mại, chuỗi cung ứng cho cây bưởi da xanh hữu cơ (3 địa điểm, 1 ha/địa điểm, tại TP Huế, thị xã Hương Trà và huyện Phong Điền).

- Mô hình trồng mới, nâng cao giá trị thương mại, chuỗi cung ứng cho cây cam hữu cơ (1 địa điểm, 1 ha/địa điểm tại huyện Nam Đông).

- Mô hình rau hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (3 địa điểm, 0,5 ha/địa điểm tại huyện Quảng Điền, thị xã Hương Trà và TP Huế).

- Mô hình trồng sen hữu cơ theo chuỗi giá trị hạt sen (2 địa điểm, 1 ha/địa điểm tại huyện Phong Điền và huyện Phú Vang).

- Mô hình trồng chuối hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (1 địa điểm, 1 ha/địa điểm tại huyện A Lưới).

- Mô hình trồng ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi bò (1 địa điểm, 1 ha/địa điểm tại huyện A Lưới).

- Mô hình chế biến rơm rạ, cây ngô sinh khối làm thức ăn cho bò thịt (2 địa điểm, huyện Phong Điền và huyện A Lưới).

- Mô hình chế biến sắn, thân chuối, rau làm thức ăn cho lợn thịt (2 địa điểm, huyện Phong Điền và huyện A Lưới).

*3.2.2.. Mô hình chăn nuôi: lợn, gà, bò hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI)*

Xây dựng khoảng 6 mô hình chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị/18 địa điểm gồm có:

- Mô hình chăn nuôi lợn nái, lợn thịt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (16 địa điểm nuôi lợn nái sinh sản, 10 con/địa điểm, 6 địa điểm nuôi lợn thịt, 100 con/địa điểm tại huyện Quảng Điền, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang, huyện Phong Điền và huyện Phú Lộc).

- Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản, bò thịt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (1 địa điểm nuôi bò cái sinh sản, 5 con/địa điểm; 1 địa điểm nuôi bò thịt, 50 con/địa điểm tại huyện A Lưới).

- Mô hình chăn nuôi gà thịt hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (3 địa điểm, 1.000 con/địa điểm tại huyện Phong Điền, Quảng Điền, thị xã Hương Thủy).

- Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải và phế phụ phẩm trong chăn nuôi bò, lợn, gà (14 địa điểm tại 8 huyện, thị xã).

*3.2.3. Mô hình nuôi cá, tôm theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (Phụ lục VI)*

Xây dựng khoảng 4 mô hình thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị/26 địa điểm, gồm có:

- Mô hình nuôi xen tôm, cua, cá dìa, cá đối sinh thái liên kết tiêu thụ sản phẩm tại huyện Quảng Điền, Phú Vang (4 địa điểm, 0,5 ha/mô hình).

- Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao tròn diện tích nhỏ công nghệ cao tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền và Phú Vang (6 địa điểm, 2 địa điểm/huyện). Thực hiện nuôi tuần hoàn thông qua lọc và xử lý nước thải từ các bể nuôi, sau đó đưa nước đã được xử lý trở lại bể, tạo thành một chu trình tuần hoàn kín.

- Mô hình nuôi cá vượt lũ với các loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao như cá nâu, cá dìa, cá đối tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Phú Lộc và huyện Phú Vang (8 địa điểm, 2 địa điểm/huyện).

- Mô hình nuôi tôm lúa và cá lúa tại huyện Phong Điền và huyện Quảng Điền 8 địa điểm, 4 địa điểm/huyện).

### **3.3. Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất gắn kết với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn**

#### **3.3.1. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ**

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ tại Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Bài, thị xã Hương Thủy, HTX Nông nghiệp An Lễ, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ lạc hữu cơ và chế biến dầu lạc hữu cơ tại Hợp tác xã Nông nghiệp Mỹ Thạnh, xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau hữu cơ tại Hợp tác xã Nông nghiệp Kim Long, phường Kim Long, TP Huế, HTX Nông nghiệp Mỹ Thạnh, xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ thanh trà hữu cơ tại phường Thủy Biều, TP Huế.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sen hữu cơ tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Phú Vang.

#### **3.3.2. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ**

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ lợn thịt hữu cơ tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ bò thịt hữu cơ tại huyện A Lưới.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ gà thịt hữu cơ tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, thị xã Hương Thủy.

#### **3.3.3. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản theo hướng hữu cơ**

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cá theo hướng hữu cơ tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền và huyện Phú Vang.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ tôm theo hướng hữu cơ tại huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền và Phú Vang.

#### **3.3.4. Chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn**

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và chế biến phụ phẩm cây trồng (rom rạ, thân lá lạc, rau) làm thức ăn chăn nuôi, trồng nấm rom và phân hữu cơ tại các huyện/thị xã.



- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và chế biến chất thải của chăn nuôi, thủy sản làm phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất cây trồng hữu cơ tại các huyện/thị xã.

- Xây dựng chuỗi kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản: Sử dụng các chất thải từ chăn nuôi và thủy sản làm phân bón cho cây trồng, và ngược lại, sử dụng các phụ phẩm từ cây trồng làm thức ăn cho gia súc và thủy sản, 1 mô hình/huyện/thị xã.

### ***3.4. Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực***

- Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho lúa, lạc, rau, thanh trà và sen hữu cơ tại các mô hình.

- Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho lợn thịt, bò và gà thịt hữu cơ tại các mô hình.

- Xây dựng thương hiệu, đăng ký mã số vùng trồng, mã vạch cho tôm, cá theo hướng hữu cơ tại các mô hình.

### ***3.5. Chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực***

- Đánh giá và cấp chứng nhận hữu cơ cho lúa, lạc, rau, thanh trà và sen hữu cơ tại các mô hình (mỗi cây 1 giấy chứng nhận, tổng 8 giấy chứng nhận).

- Đánh giá và cấp chứng nhận hữu cơ cho lợn thịt (2 giấy chứng nhận), bò thịt (1 giấy chứng nhận) và gà thịt hữu cơ (1 giấy chứng nhận) tại các mô hình (tổng 5 giấy chứng nhận).

### ***3.6. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

- Tập huấn về kỹ thuật sản xuất lúa, lạc, rau, bưởi các loại, sen, chuối, ngô, sắn, cỏ hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, quy mô 30 học viên/lớp, mỗi cây tổ chức 1 lớp tại các địa điểm thực hiện mô hình, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

- Tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi lợn, bò, gà hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, quy mô 30 học viên/lớp, mỗi con tổ chức 1 lớp/địa điểm thực hiện mô hình, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

- Tập huấn về kỹ thuật ương giống, nuôi cá, tôm theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, quy mô 30 học viên/lớp, tổ chức 1 lớp/địa điểm thực hiện mô hình, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

- Tập huấn về kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi, thủy sản và phụ phẩm nông nghiệp, tổ chức tại mỗi huyện, thị xã 1 lớp, mỗi lớp 30 học viên, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

- Tập huấn về kỹ thuật chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản tổ chức tại mỗi huyện, thị xã 1 lớp, mỗi lớp 30 học viên, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

- Tập huấn về xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực, tổ chức 1 lớp/huyện, thị xã, mỗi lớp 30 học viên, thời gian 1 ngày/lớp.

- Tập huấn về sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, tổ chức tại mỗi huyện, thị xã 1 lớp, mỗi lớp 30 học viên, thời gian mỗi lớp là 1 ngày.

## **IV. GIẢI PHÁP**

### **1. Nhóm giải pháp về kỹ thuật công nghệ và khuyến nông**

#### ***1.1. Giải pháp thông tin, tuyên truyền về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị an toàn, bền vững.

- Tuyên truyền, hướng dẫn để thực thi các chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của sản phẩm hữu cơ, tuần hoàn và sức khỏe và môi trường.

#### ***1.2. Về khoa học, công nghệ***

- Ứng dụng khoa học và công nghệ (công nghệ gen, công nghệ nhân giống...) trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và đặc biệt là (gà, lợn, bò), giống thủy sản (cá, tôm) cho năng suất, chất lượng cao đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ, đặc biệt là những loại giống có khả năng kháng sâu bệnh và các giống vật nuôi phù hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất đầu vào cho quá trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển những sản phẩm đặc sản, sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm chủ lực của tỉnh, hình thành các sản phẩm OCOP, nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, phục vụ du lịch; xác lập và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, gắn phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển du lịch, nhất là các địa bàn ven biển, miền núi, đầm phá.

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến nông sản hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4: công nghệ tự động hóa, công nghệ thủy canh, tưới nước tiết kiệm, công nghệ trữ nước, tuần hoàn nước, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng...; quy trình công nghệ sản xuất, tạo sản phẩm an toàn đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường trong nước và xuất khẩu...; quy trình công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh, tự động hóa, kiểm soát môi trường trong nuôi trồng thủy sản...; công nghệ sơ chế, bảo quản như: công nghệ sấy nhanh, công nghệ xung điện trường, công nghệ chế biến áp suất cao; bảo quản lạnh nhanh; tạo màng trong bảo quản sản phẩm; công nghệ lên men...; sản xuất phân bón và thuốc trừ sâu sinh học, an

toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững, bảo vệ môi trường góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp.

- Nghiên cứu công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và internet kết nối vạn vật (IoT) trong theo dõi sự biến đổi khí hậu, nhiệt độ, môi trường, độ ẩm, các tác động ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ đăng ký mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định

### ***1.3. Tổ chức thực hiện, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

Về quy hoạch: Xác định các loại cây trồng, vật nuôi là sản phẩm chủ lực của tỉnh theo quy hoạch vùng sản xuất cụ thể. Vùng trồng có điều kiện đất đai phù hợp với yêu cầu của cây trồng và tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị. Các giải pháp kỹ thuật thực hiện bao gồm giống, kỹ thuật canh tác và tập huấn kỹ thuật. Các huyện/xã lựa chọn có diện tích cây trồng, vật nuôi lớn, người dân có kinh nghiệm trong canh tác, hiệu quả kinh tế cao.

Về quản lý thực hiện: Thông qua chính quyền địa phương, HTX, tổ cộng đồng, tổ dân phố.

Về phối hợp trong ứng dụng KHKT: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, các chuyên gia, Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các chi cục trực thuộc, các đơn vị liên quan.

Về theo dõi, quản lý mô hình: Có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và người dân thực hiện các mô hình theo sản phẩm chủ lực của mỗi xã, phường trên địa bàn tỉnh/huyện/thành phố. Thực hiện theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện các mô hình một cách thường xuyên và có lộ trình định hướng phát triển cụ thể rõ ràng theo giai đoạn.

Về đánh giá mô hình và khả năng mở rộng: Cần có đánh giá hiệu quả của các mô hình thực hiện, có sự phối kết hợp nhiều bên liên quan. Từ đó, có cơ sở xem xét đề xuất mở rộng triển khai các mô hình có hiệu quả kinh tế đến các địa bàn phù hợp và có khả năng mở rộng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin: ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý các mô hình cũng như ứng dụng các app, ứng dụng trong sản xuất và liên kết chuỗi trong thời kỳ hội nhập 4.0.

- Khuyến khích cộng đồng tham gia các mô hình mới.

- Tổ chức sản xuất theo vùng sản xuất đã được quy hoạch. Quy hoạch vùng trồng sản xuất tập trung, bao tiêu sản phẩm ở các siêu thị mini, siêu thị lớn trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn.

- Đưa con giống có năng suất cao, chất lượng tốt và có giá trị kinh tế trên thị trường vào sản xuất.

- Tổ chức phát triển chăn nuôi trang trại gắn với bảo vệ môi trường, kiểm soát dịch bệnh gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý nhằm tái sử dụng chất thải từ gia súc, gia cầm (phân bón sinh học).

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và hướng dẫn.

- Cam kết tham gia thực hiện mô hình tối thiểu 10 năm.

- Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế và các cơ quan nông nghiệp với vai trò là chuyên gia tư vấn trong các mô hình sản xuất; người dân thuộc các xã/phường được chọn là người trực tiếp sản xuất dưới sự hướng dẫn kỹ thuật của các chuyên gia; UBND tỉnh/huyện/thành phố, UBND các xã là đơn vị tham gia hỗ trợ trong giám sát, quản lý mô hình, hỗ trợ người dân qua các chính sách cụ thể như: Hỗ trợ về vốn sản xuất, hỗ trợ tìm đầu của sản phẩm. Áp dụng các chính sách ưu đãi (vay lãi suất thấp, miễn giảm thuế, hỗ trợ bao tiêu sản phẩm...) để lôi cuốn sự tham gia của các tổ chức và nông dân trong sản xuất.

#### ***1.4. Hạ tầng nông thôn, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

Đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế. Đây cũng là yếu tố đề nông nghiệp của tỉnh hướng đến sản xuất theo vùng tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ. Để tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, những năm qua, ngành nông nghiệp tại địa phương đã thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chính sách hỗ trợ, như: Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình, đa dạng hóa sinh kế... để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, phục vụ công tác tưới tiêu, phát triển sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, huy động nguồn vốn từ công tác xã hội hóa, sự đóng góp ngày công, tiền của nhân dân để xây mới hệ thống kênh mương, kênh dẫn phục vụ công tác tưới, tiêu nội đồng. Ưu tiên nguồn vốn để triển khai nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi, trong đó chú trọng xây mới, cải thiện hệ thống thủy lợi tại hầu hết những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, góp phần nâng cao sản lượng và giá trị sản xuất. Để hệ thống hạ tầng thủy lợi tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu sản xuất, phát triển của ngành nông nghiệp, tỉnh nên tiếp tục ưu tiên đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, công trình trọng điểm đầu tư hoàn thành chương trình nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa, trạm bơm trên địa bàn thành phố theo Đề án Nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### ***1.5. Phát triển các vùng sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị***

- Lựa chọn, xác định các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị tập trung đặc trưng, phù hợp với điều kiện sinh thái, tiềm năng phát triển và thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của từng vùng để khuyến khích các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu

sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị đầu tư vào sản xuất.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ chất lượng vùng sản xuất, như: Kỹ thuật làm đất; sử dụng phân xanh và cây che phủ đất, luân canh cây trồng phức hợp; quản lý dinh dưỡng và kiểm soát các yếu tố độc hại trong đất; đánh giá định kỳ chất lượng môi trường đất, nước trong các vùng sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị để sớm có giải pháp ngăn chặn, cải tạo trong trường hợp cần thiết.

## **2. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của Thành phố đã ban hành để khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh, nhất là doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nhằm đảm bảo ổn định đầu ra cho sản xuất.

- Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù hỗ trợ sản xuất sản phẩm hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị theo quy định tại Điều 16 và Điều 17, Nghị định số 109/2018/NĐ-CP và Quyết định 687/QĐ-TTg, ngày 7/6/2022.

## **3. Chứng nhận sản phẩm hữu cơ**

Có hai hình thức chứng nhận:

- Chứng nhận có sự tham gia PGS do Ban Điều phối PGS tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện để chứng nhận sản phẩm cho nông dân sản xuất hữu cơ có quy mô nhỏ.

- Chứng nhận độc lập từ bên thứ ba: Với các đơn vị sản xuất hữu cơ có quy mô lớn thì có thể thuê các đơn vị chứng nhận độc lập để chứng nhận hữu cơ.

Ban Điều phối PGS tỉnh Thừa Thiên Huế, Trường Đại học và các đơn vị liên quan sẽ hỗ trợ HTX và người dân để được cấp giấy chứng nhận hữu cơ cho sản phẩm hữu cơ. Quy trình để có được giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ gồm các bước sau:

Bước 1: Đăng ký chứng nhận hữu cơ

Nộp hồ sơ đăng ký chứng nhận thực phẩm hữu cơ cho cơ quan có thẩm quyền chứng nhận. Hồ sơ bao gồm:

- Bản đăng ký chứng nhận hữu cơ.
- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền.
- Kế hoạch hệ thống hữu cơ, bao gồm cả mẫu bao bì và thông tin trên bao bì sản phẩm.
- Các thông tin cần thiết khác để chứng minh sự tuân thủ với quy định sản xuất hữu cơ.
- Hồ sơ, tài liệu cần thiết khác.

Cơ quan/công ty sẽ ký hết hợp đồng chứng nhận sau khi trao đổi trao đổi thông tin với khách hàng và nhận đủ hồ sơ đăng ký chứng nhận.

**Bước 2: Chuẩn bị đánh giá (cơ quan/công ty/tổ chức ký hợp đồng)**

Căn cứ theo hồ sơ đăng ký chứng nhận, Tổ chức chứng nhận sẽ thành lập đoàn đánh giá và chi tiết chương trình đánh giá.

**Bước 3: Tiến hành đánh giá**

Đoàn đánh giá sẽ đến kiểm tra và thẩm định tại thực địa, xem xét sự phù hợp của các hồ sơ với thực tế, kiến nghị sửa chữa các điểm không phù hợp. Trong khi kiểm tra chứng nhận tại thực địa, sẽ xác định hiệu quả của hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm.

**Bước 4: Thẩm xét hồ sơ sau đánh giá, kết luận đánh giá**

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng, Tổ chức chứng nhận thực hiện thẩm xét toàn bộ hồ sơ quá trình đánh giá trước khi ra quyết định cấp giấy chứng nhận.

**Bước 5: Cấp giấy chứng nhận**

Sau khi thẩm xét hồ sơ chứng nhận, nếu phù hợp sẽ được cấp giấy chứng nhận hữu cơ và cho phép doanh nghiệp sử dụng dấu hữu cơ. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 02 năm kể từ ngày cấp.

**Bước 6: Đánh giá giám sát**

Đánh giá giám sát được thực hiện sau khi cơ sở được cấp Giấy chứng nhận hữu cơ. Đánh giá giám sát có thể thực hiện định kỳ (báo trước) hoặc đột xuất (không báo trước). Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, tổ chức chứng nhận sẽ tiến hành đánh giá giám sát, tần suất đánh giá giám sát không quá 12 tháng/lần. Nội dung các bước tiến hành đánh giá giám sát tại cơ sở được thực hiện tương tự như đánh giá lần đầu.

**Bước 7: Đánh giá lại**

Đánh giá lại được thực hiện khi cơ sở sản xuất yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận hữu cơ đã hết hiệu lực. 03 tháng trước khi hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, sẽ thông báo hướng dẫn cho cơ sở biết để làm quy trình đăng ký đánh giá lại để cấp giấy chứng nhận mới.

#### **4. Giải pháp về thị trường, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm**

- Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa những hộ sản xuất liền kề để cùng nhau tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đủ lớn, sản phẩm có chất lượng đồng đều, giá thành cạnh tranh.

- Mở rộng liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ nông sản hữu cơ; trong đó, doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò nòng cốt, định hướng sản xuất, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm của hộ nông dân, xây dựng thương hiệu nông sản; nông dân là chủ thể xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, mô hình chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của tỉnh để giới thiệu, khuyến khích các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia học tập, làm theo.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, tăng cường năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm OCOP. Hỗ trợ xây dựng các cửa hàng bán các sản phẩm hữu cơ, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

*Nội dung 1: Xây dựng tổ hợp tác sản xuất (hoặc HTX), thu hoạch, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ*

- Hình thành tổ hợp tác (hợp tác xã) với 30 thành viên ban đầu bao gồm các hộ nông dân sản xuất hữu cơ.

- Lựa chọn một hội viên là doanh nghiệp thương mại nông sản tham gia. Có thể chọn siêu thị Go-BigC hoặc Coopmart,...

- Chỉ định một hội viên là đại diện UBND xã tham gia.

*Nội dung 2: Tập huấn kiến thức kỹ thuật, tập huấn kỹ năng tiếp thị nông sản và cung cấp thông tin thị trường cho nông dân tham gia sản xuất sản phẩm hữu cơ*

Trường Đại học và Ban Điều phối PGS tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện các nội dung:

- Tập huấn xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm đạt chứng nhận hữu cơ, vật tư đầu vào cho sản phẩm hữu cơ.

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, thu hoạch, đóng gói sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, cung cấp thông tin, phát triển thị trường sản phẩm hữu cơ.

- Hỗ trợ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình truyền thông quảng bá sản phẩm hữu cơ đến người tiêu dùng thông qua các hoạt động: hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ về sản phẩm hữu cơ; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để quảng bá sản phẩm hữu cơ (xây dựng video clip, trang mạng,... về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ).

- Các doanh nghiệp hỗ trợ xây dựng các chiến lược tiếp thị (marketing) sản phẩm hữu cơ và hoạt động đa dạng hóa sản phẩm hữu cơ theo nhu cầu người tiêu dùng. Mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp, hộ nông dân tham gia vào mô hình này. Xây dựng và duy trì uy tín, chất lượng và an toàn của các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, đáp ứng nhu cầu và sự tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Các doanh nghiệp hỗ trợ thực hiện chiến lược marketing sản phẩm hữu cơ về giá (giá ưu đãi) để quảng bá sản phẩm hữu cơ và thiết lập thị trường mới cho sản phẩm hữu cơ.

*Nội dung 3: Hỗ trợ và quản lý hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ cho nông dân*

- UBND cùng với HTX xã hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hữu cơ.
- UBND cùng với HTX xã hỗ trợ ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.
- UBND cùng với HTX tìm kiếm thị trường cho sản phẩm hữu cơ và kết nối người mua với HTX sản xuất sản phẩm hữu cơ.

Cần phải có cơ chế đồng bộ trong phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị: Lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp khi so sánh, thường có tỷ lệ thấp hơn so với các ngành sản xuất khác. Hàng loạt các rào cản này cần có sự quan tâm của Nhà nước bằng một chính sách đồng bộ và đủ lớn, đưa nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị phát triển nhằm nâng cao năng suất và thu nhập của nhà nông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tận dụng tối đa lợi thế trong sản xuất nông nghiệp.

#### **IV. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN**

##### **1. Về kinh tế**

- Tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Giải quyết được việc làm cho người dân trên cơ sở đa dạng hóa các nguồn hàng, tái sử dụng phế phụ phẩm đồng ruộng và các chất thải từ chăn nuôi, thủy sản.

- Chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ địa phương và người dân, tạo điều kiện để cán bộ địa phương nâng cao năng lực trở thành trụ cột chính của đề án góp phần tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn.

- Tạo ra nguồn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn có giá trị, góp phần đáp ứng ngày càng cao của người tiêu dùng, phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; góp phần nâng cao thu nhập, đời sống người dân một cách bền vững. Giá trị kinh tế từ sản xuất hữu cơ, tuần hoàn cao hơn 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất thông thường thông qua chất lượng của sản phẩm tăng, nên giá bán sẽ cao hơn so với sản phẩm phi hữu cơ.

##### **2. Về xã hội**

Tạo điều kiện phát triển nông nghiệp kết nối với du lịch, người dân làm chủ công nghệ và có việc làm thường xuyên cho các lao động địa phương, nâng cao hiệu quả và tư duy về sản xuất hàng hóa có chất lượng, an toàn môi trường, tăng thu nhập cho nông hộ, góp phần ổn định an ninh - xã hội, từng bước thay đổi tập quán sản xuất chuyên dần sang nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị. Lập được vùng quy hoạch nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất vào ngành nông nghiệp.

##### **3. Về môi trường**

Phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản và nâng cao lợi thế môi trường cạnh tranh thương mại. Sản xuất



nông nghiệp hữu cơ, tuân hoàn theo chuỗi giá trị sẽ cải thiện, duy trì cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái nông nghiệp, tránh việc khai thác quá mức gây ô nhiễm cho các nguồn lực tự nhiên, duy trì và gia tăng độ màu mỡ lâu dài cho đất, củng cố hệ sinh thái bền vững cho đất, củng cố hệ sinh thái bền vững.

## **PHẦN III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

##### **1. Khái toán kinh phí thực hiện đề án**

Tổng kinh phí: 161.740 triệu đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

*Trong đó:*

- Ngân sách TW, tỉnh, huyện: 48.050 triệu đồng
- Nhân dân tham gia: 55.952 triệu đồng
- Nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp, công ty: 57.738 triệu đồng

*(Bảng 11, Bảng 12, Bảng 13, Phụ lục VII)*

##### **2. Nguồn vốn**

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xây dựng các mô hình; đào tạo tập huấn, tư vấn kỹ thuật), hỗ trợ chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ từ nguồn vốn lồng ghép thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan và các cơ chế, chính sách đã ban hành.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

##### **3. Quản lý, sử dụng kinh phí**

Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

#### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn thực hiện các nội dung Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2024 - 2030 theo đúng nội dung được phê duyệt.

- Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu, đăng ký xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị của các địa phương, các cơ sở (*doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất*) trên địa bàn tỉnh, tổng hợp, xây dựng dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Sở Công Thương trong công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm tại các mô hình; triển khai các nội dung thông tin, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ của tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

## **2. Sở Tài chính**

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan nhằm thực hiện đề án, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan trong việc lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án khác trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu các hoạt động liên quan ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nói chung và nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị nói riêng; thúc đẩy hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ, đăng ký mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị,..

## **5. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thông qua các chương trình, chính sách thuộc lĩnh vực công thương hỗ trợ phát triển sản xuất; mở rộng thị trường các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

## **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xác định diện tích đất nông nghiệp (trong đó, có các vùng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn) được phân bổ chỉ tiêu trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh làm căn cứ giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

## **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở, Trung tâm IOC phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá

trị, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị an toàn, bền vững.

- Tăng cường, đẩy mạnh việc xúc tiến các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh rau an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

## **8. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các sở, ban ngành triển khai các nội dung liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra; quảng bá các sản phẩm được sản xuất từ mô hình nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn; góp phần xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra thị trường ổn định.

## **9. Các sở, ban, ngành liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

## **10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị; kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò trong quá trình thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị của tỉnh.

## **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Đề án cụ thể đến từng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn; trong đó, xác định rõ vị trí, quy mô, giá trị, thương hiệu, định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Triển khai rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi của địa phương, có khả năng phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác và nhu cầu thị trường; nghiên cứu, xây dựng các

mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp, hiệu quả.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn quản lý./.

## MỤC LỤC PHỤ LỤC

Phụ lục I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2020 - 2023 .....	1
Bảng 1. Diện tích các loại cây trồng tại tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2023 .....	1
Bảng 2. Cơ cấu và số lượng vật nuôi chính giai đoạn 2020-2023 tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	3
Bảng 3. Cơ cấu và số lượng thủy sản chính giai đoạn 2020-2023 tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	4
Bảng 4. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ theo kết quả phỏng vấn tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	6
Bảng 5. Tình hình tiêu thụ sản phẩm hữu cơ theo kết quả phỏng vấn tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	7
Phụ lục II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT VÀ MẪU NƯỚC .....	8
Bảng 6. Kết quả phân tích mẫu đất và mẫu nước tại các xã, huyện thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế .....	8
Phụ lục III. LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030 .....	14
Bảng 7. Kế hoạch sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	14
Phụ lục IV. LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030 .....	15
Bảng 8. Kế hoạch sản xuất đối với chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế .....	15
Phụ lục V. LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024-2030 .....	16

Bảng 9. Kế hoạch sản xuất đối với thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	16
Phụ lục VI. DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 – 2030.....	17
Bảng 10. Danh mục các mô hình thí điểm trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ và thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế...	17
Phụ lục VII. BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ .....	19
Bảng 11. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 – 2030.....	19
Bảng 12. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phân kỳ theo năm giai đoạn 2024 - 2026.....	23
Bảng 13. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phân kỳ theo năm giai đoạn 2027 – 2030 .....	27

**Phụ lục I**  
**THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2020 - 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 1. Diện tích các loại cây trồng tại tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2023**

Cây (ha)	Năm	Huyện/thị xã								
		TP Huế	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Phú Vang	Hương Thủy	Phú Lộc	Nam Đông	A Lưới
Lúa	2020	1.585	9.639	8.166	6.154	12.926	6.061	6.612	618	1.995
	2021	4.133,25	9.827	8.186,5	4.730,79	11.910,6	5.829,7	6.499,9	594,7	2.630,6
	2022	6.756,15	9.866	7.947,2	3.356,06	10.305,6	5.543,5	7.962,8	587,5	2.706
	2023	6.741,01	9.708	8.023,8	3.289	10.835,32	5.528,3	6.402,7	580,65	2.706
Ngô	2020	105	-	39	181	14	18	10	337	664
	2021			38,5	170,5	20,84	5	10	321,3	927,4
	2022			39,8	98,9	20,29	2	22,5	346	885
	2023	156,8		44,1	104,9	20,29	1	20	354,5	885
Sắn	2020	46	453	140	610	549	70	284	668	-
	2021		1.015	198,8	508	124,6	27	150	625	1.623,8
	2022		970	189,5	608	142,23	18	150	504	1.631
	2023	13,6	850	187,5	582	142,23	9	273	460	1.631
Lạc	2020	110	977	505	920	202	51	122	14	-
	2021		830	506,8	848,4	138,26	23	333,5	15,7	
	2022		752	457	667	128,28	12,9	333,5	15,3	
	2023	232,9	720	455,1	669	128,26	9	313	17,7	
Rau các loại	2020	252	596	777	966	1.348	360	271	266	223
	2021		428	804,5	814,2	566,74	306,1	211	287,1	414,3
	2022		300	812,3	629,8	524,1	240,2	205	320,4	414
	2023	996,28	300	803,9	632,7	548	212	192	314,2	366
Đậu	2020	65	165	195	281	142	47	63	-	-



Cây (ha)	Năm	Huyện/thị xã								
		TP Huế	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Phú Vang	Hương Thủy	Phú Lộc	Nam Đông	A Lưới
các loại	2021		141	204,8	244,1	109,3	29,5	228,7	189	
	2022		500	203,8	165,3	108,45	16,7	206,2	182,7	
	2023		500	184,4	152,1	108,45	16,4	212	195	
Cây ăn quả	2020	226	506	-	941	-	228	319	-	-
	2021	-	385		173,57		74,5	-	245,7	
	2022	396,5	475		350,23		123,2	-	263,9	
	2023	413,4	511		491,5		127,5	-	280,32	
Sen	2020	-								
	2021		300	64,8	51,4	78,97		5,6		
	2022		252	45,9	47,1	74,42		5,6		
	2023		370	45,9	56,98	74,42		35,5		
Chuối	2020	-	-	-	-	-	-	-	158	211
	2021								184,7	337,9
	2022								165	337,9
	2023								148,6	239,9
Khoai các loại	2020		-							
	2021			141,7	45,9	180	-	608,3		205,2
	2022			146,4	28	144,3	15	577,8		220,5
	2023			152,7	26,9	153	7	506,5		220,5
Dưa các loại	2020									
	2021			53,1		-	-	176,5		
	2022			61		54	-	176,5		
	2023			67,2		78	-	172		

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo tình hình kinh tế xã hội và niên giám thống kê từ năm 2020 - 2023.

**Bảng 2. Cơ cấu và số lượng vật nuôi chính giai đoạn 2020-2023 tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

Vật nuôi	Năm	Huyện/thị xã								
		TP Huế	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Phú Vang	Hương Thủy	Phú Lộc	Nam Đông	A Lưới
Trâu (con)	2020	312	2.440	678	1.385	1.148	979	3.121	1.752	2.633
	2021		2.545	1.402	641	1.196	1.090	3.829	2.080	2.416
	2022		2.400	1.129	2.364	870	799	3.665	2.210	2.506
	2023		2.465	1.204	872	1.024	800	3.800	2.092	2.702
Bò (con)	2020	525	3.575	1.367	2.401	2.680	2.895	2.899	2.406	10.120
	2021		3.856	1.703	1439	2493	2.400	3.608	3.250	9.573
	2022		3.600	1.572	1554	2.364	1.890	3.580	3.350	9.916
	2023		3.910	1.653	1684	2.440	1.954	3.700	3.420	10.262
Lợn (con)	2020	4006	22.148	13.451	19.897	17.159	16.830	21.690	8.454	5.547
	2021		23.873	24.817	8782	7.238	13.100	13.670	23.500	6.437
	2022		30.000	25.797	9561	6.520	13.360	15.670	24.500	8.298
	2023		30.130	28.299	8823	6.720	13.900	16.800	27.100	8.755
Gia cầm (nghìn con)	2020	83,69	852,4	527,5	596,2	712,1	522,2	821,6	142,2	171,5
	2021		326,602	554.15	275	396,25	402	631,088	330	-
	2022		450	528		292,493	424	700	342	182,689
	2023		450	552,928	235,84	309	464	650	360,6	196,075
Dê (con)	2020	-	759	249	493	421	571	1.025	345	5.183
	2021		-	488				1.200	400	4.639
	2022			425			750	1.200	220	4.668
	2023			425				1.200	400	4.944

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo tình hình kinh tế xã hội và niên giám thống kê từ năm 2020-2023.*

**Bảng 3. Cơ cấu và số lượng thủy sản chính giai đoạn 2020-2023 tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

STT	Địa phương	Năm	Tổng diện tích nuôi ao (ha)	Chuyên tôm (ha)	Xen ghép	Cá ao nước lợ (ha)	Cá ao nước ngọt (ha)	Lồng lợ (cái)	Lồng ngọt (cái)	Nuôi bể xi măng (m <sup>3</sup> )	Nhuỷn thể tự nhiên (Hàu, vẹm) (ha)
1	Huyện Phú Lộc	2020	1309,9	129,7	875,2		305,0	4112	222,0	2,000	302,0
		2021	1310,0	120	885		305	4080	220	23000	303
		2022	1310,0	120	885		305	4080	220	23000	303
		2023	1300,6	85,6	910		305	4080	220	23000	350
		2024	1005,0	30	720		255	4080	211	25930	350
2	Huyện Phú Vang	2020	2854,6	34,8	2709,1		110,7	520			
		2021	2322,9		2214,8		108,1	878	252		
		2022	2284,4		2241,8		42,6	875	254		
		2023	2254,2		2204,8		49,4	814	220		
		2024									
3	Thành phố Huế	2020									
		2021	883,0		855,4		27,6				
		2022	883,0		855,4		27,6	1658	193		
		2023	,015,6		972,38		43,2	1142	193		
		2024									
4	Huyện Quảng Điền	2020	883,6		728,1		155,51	36	1201		
		2021	883,6		728,1		155,51	36	1201		
		2022	891,2		730,9		160,34	75	1228		
		2023	903,0		738,02		164,94	99	1193		
		2024	-								

5	Huyện Phong Điền	2020	487,9	196,43	22,5	3	265,95		210		
		2021	420,1	90,41	26,3	8,87	291,36	23	143		
		2022	441,0	150	4,1	29,2	255,3	15	115	1850	
		2023	481,2	100	26,4	61,4	284,7	15	115		
		2024	467,9	150	27,9	30	250	7	66		
6	Thị xã Hương Thủy	2020	281,4				281,44		174		
		2021	281,4				281,44		174		
		2022	281,4				281,44		174		
		2023	281,4				281,44		174		
		2024	-								
7	Thị xã Hương Trà	2020	453,6		321,6		132	330	1889		
		2021	103,0				103		1339		
		2022	103,0				103		1300		
		2023	95,0				95		1379		
		2024	95				95		1027		
8	Huyện Nam Đông	2020	65				65				
		2021	65				65				
		2022	65				65				
		2023	65				65		15		
		2024	65				65		15		
9	Huyện A Lưới	2020					242,8				
		2021	242,8				242,8				
		2022	242,8				242,8	56			
		2023	242,8				242,8	56			
		2024	242,8				242,8	88			

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ báo cáo tình hình kinh tế xã hội và niên giám thống kê từ năm 2020-2023*

**Bảng 4. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ theo kết quả phỏng vấn tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

Địa điểm		TP Huế	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Phú Vang	Hương Thủy	Phú Lộc	Nam Đông	A Lưới
Cách thức quản lý hoạt động sản xuất và tiêu thụ	Hộ dân sản xuất, HTX điều hành	+	+	+	+	+	+	+		
	Hộ gia đình								+	
	Liên kết với công ty CPTĐ Quế Lâm				+	+				
	Hỗ trợ của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tại địa phương				+					
Đối tác chính trong sản xuất và tiêu thụ	Kết hợp với cửa hàng, siêu thị, chợ đầu mối trong tỉnh	+	+	+	+					
	Chợ địa phương	+	+			+	+		+	
	Công ty CPTĐ Quế Lâm		+	+	+	+	+			
	Trường mầm non ở địa phương		+		+					
	Công ty hữu cơ Huế Việt		+	+				+		
	Hội chợ, triển lãm							+		
	Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh		+							
	Liên kết với thương lái tại địa phương					+				

*Ghi chú: +: có; "-": không*

**Bảng 5. Tình hình tiêu thụ sản phẩm hữu cơ theo kết quả phỏng vấn tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

Chỉ tiêu		TP Huế	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Phú Vang	Hương Thủy	Phú Lộc	Nam Đông	A Lưới
Mục đích sản xuất nông sản hữu cơ	Để bán	+	+	+	+	+	+	+	+	+
	Tiêu dùng gia đình		+	+	+			+	+	
Đối tượng bán nông sản hữu cơ	Thương lái		+	+	+	+	+	+	+	
	Siêu thị				+					+
	Khách quen							+		
	Chợ địa phương	+	+			+		+	+	
	Công ty CPTĐ Quế Lâm				+	+	+			
	HTX		+	+						
Nguồn lấy thông tin thị trường	Thương lái		+	+	+		+	+	+	+
	Hàng xóm	+		+	+		+	+	+	
	Các cơ quan (HTX,...)	+	+	+	+	+	+	+		
	Mạng internet/facebook		+	+			+	+	+	
	Đài truyền hình/radio/ti vi		+	+		+		+		
	Điện thoại		+	+				+	+	
	Chợ địa phương				+			+	+	
	Cán bộ khuyến nông			+		+	+	+		
	Chợ đầu mối				+			+		

Ghi chú: +: có; "-": không

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT VÀ MẪU NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 6. Kết quả phân tích mẫu đất và mẫu nước tại các xã, huyện thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế**

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
1	Đ1	Đất trồng chuối		Xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới	As	0,5	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	12,0	200	
					Pb	5,1	70	
					Cu	6,2	100	
2	Đ2	Đất trồng lúa		Xã Hồng Bắc, huyện A Lưới	As	KPH	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	10,2	200	
					Pb	2,3	70	
					Cu	3,8	100	
3	Đ3	Đất trồng cam	Trần Minh Đông	Xã Thượng Long, huyện Nam Đông	As	0,02	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	15,2	200	
					Pb	6,3	70	
					Cu	7,2	100	
4	Đ4	Đất trồng cam	Hồ Thị Canh	Xã Hương Xuân, huyện Nam Đông	As	0,05	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	14,5	200	
					Pb	4,3	70	
					Cu	7,9	100	
5	Đ5	Đất trồng lúa	Dương Văn Thiệp	Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang	As	0,25	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	5,9	200	
					Pb	2,5	70	

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
					Cu	6,4	100	
6	Đ6	Đất trồng lúa	Nguyễn Văn Thủy	Xã Vinh Hà, huyện Phú Vang	As	0,45	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	13,4	200	
					Pb	5,3	70	
					Cu	4,6	100	
7	Đ7	Đất trồng rau	Hoàng Văn Thơ,	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc	As	0,12	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	15,6	200	
					Pb	5,3	70	
					Cu	6,5	100	
8	Đ8	Đất trồng rau	Nguyễn Thị Cẩm	Xã Giang Hải, huyện Phú Lộc	As	0,25	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	15,5	200	
					Pb	10,2	70	
					Cu	4,3	100	
9	Đ9	Đất trồng lúa	Nguyễn Ba	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	As	0,04	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	16,3	200	
					Pb	7,8	70	
					Cu	10,3	100	
10	Đ10	Đất trồng thanh trà	Phạm Bá Khánh	Xã Phong Thu, huyện Phong Điền	As	0,19	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	14,8	200	
					Pb	10,3	70	
					Cu	15,2	100	
11	Đ11	Đất trồng rau	Trần Thị Bé	Tổ 2, phường Kim Long, thành phố Huế	As	0,53	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	12,4	200	



TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
					Pb	7,5	70	
					Cu	10,2	100	
12	Đ12	Đất trồng rau	Võ Trọng Tâm	Phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy	As	0,12	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	19,8	200	
					Pb	10,2	70	
					Cu	3,4	100	
					As	0,24	15	
13	Đ13	Đất trồng lúa nước	Nguyễn Văn Tròn	Phường Thủy Phù, thị xã Hương Thủy	Cd	KPH	1,5	Đạt
					Zn	20,1	200	
					Pb	10,3	70	
					Cu	14,2	100	
14	Đ14	Đất trồng bưởi da xanh		Phường Hương Vân, thị xã Hương Trà	As	0,69	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	21,2	200	
					Pb	5,5	70	
					Cu	7,9	100	
15	Đ15	Đất trồng sen		Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	As	0,78	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Zn	51,3	200	
					Pb	10,1	70	
					Cu	8,7	100	
16	N1	Nước tưới lúa		Xã Hồng Bắc, huyện A Lưới	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms (CFU/ml)	KPH	7.500	
17	N2	Nước tưới cam	Trần Minh	Xã Thượng Long,	As	KPH	0,05	Đạt

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
		Nam Đông	Đông	huyện Nam Đông	Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
18	N3	Nước tưới cam Nam Đông	Hồ Thị Canh	Xã Hương Xuân, huyện Nam Đông	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
19	N4	Nước tưới lúa	Dương Văn Thiệp	Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
20	N5	Nước tưới lúa	Nguyễn Văn Thủy	Xã Vinh Hà, huyện Phú Vang	As	KPH	15	Đạt
					Cd	KPH	1,5	
					Hg	KPH	200	
					Pb	KPH	70	
					Coliforms	KPH		
21	N6	Nước tưới rau	Hoàng Văn Thơ	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
22	N7	Nước tưới rau	Nguyễn Thị Cẩm	Xã Giang Hải, huyện Phú Lộc	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
23	N8	Nước tưới lúa	Nguyễn Ba	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
24	N9	Nước tưới bưởi thanh trà	Phạm Bá Khánh	Xã Phong Thu, huyện Phong Điền	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
25	N10	Nước tưới rau	Trần Thị Bé	Tổ 2, phường Kim Long, thành phố Huế	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
26	N11	Nước tưới rau	Võ Trọng Tâm	Phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
27	N12	Nước tưới lúa	Nguyễn Văn Tròn	Phường Thủy Phù, thị xã Hương Thủy	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	
					Coliforms	KPH	7.500	
28	N13	Nước tưới bưởi da xanh		Phường Hương Vân, thị xã Hương Trà	As	KPH	0,05	Đạt
					Cd	KPH	0,01	
					Hg	KPH	0,001	
					Pb	KPH	0,05	

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Tên cơ sở	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả (mg/kg)	Giới hạn (mg/kg)	Ghi chú
					Coliforms	KPH	7.500	

*Ghi chú:*

1. Văn bản tham chiếu sử dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

- QCVN 03-MT: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

2. Phương pháp thu thập mẫu đất và nước tại các vùng

2.1. Kỹ thuật lấy mẫu đất

Mẫu đất được thực hiện theo đường zigzag (Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7538-1 và TCVN 7538-2). Lấy 5-10 điểm trong lô đất trồng cây có diện tích dao động từ 100-300m<sup>2</sup>; độ sâu của mỗi điểm 30 cm; 100g đất/mỗi điểm; sau khi đã trộn đều mẫu đất của các điểm lại với nhau. Loại bỏ hết thành phần tạp: đá, sỏi, rễ cây thực vật,... trong các mẫu đất.

2.2. Kỹ thuật lấy mẫu nước

Các mẫu nước mặt (ngòi, ao, hồ,...) được thu thập ở độ sâu 25 cm kể từ mặt nước tại các khu vực nguồn nước tĩnh được theo mô tả của phương pháp TCVN 6663-6:2018.

**Phụ lục III**  
**LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**  
**TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 7. Kế hoạch sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Huyện/thị xã	Đến năm 2026									Đến năm 2030								
		Tổng	Lúa	Lạc	Rau ăn lá	Bưởi	Cam	Chuối	Sen	Ngô, sắn, củ	Tổng	Lúa	Lạc	Rau ăn lá	Bưởi	Cam	Chuối	Sen	Ngô, sắn, củ
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>452,5</b>	<b>150</b>	<b>60</b>	<b>18</b>	<b>45</b>	<b>20</b>	<b>40</b>	<b>15</b>	<b>104,5</b>	<b>672,5</b>	<b>300</b>	<b>45</b>	<b>25</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>80</b>	<b>40</b>	<b>117,5</b>
1	Phong Điền	58	30	10	0	10			3	5	106	50	10	3	30			5	8
2	Quảng Điền	40	20	10	3				2	5	73	50	5	5				5	8
3	Hương Trà	48	20	10	2	10			2	4	91	50	5	3	20			5	8
4	TP Huế	38,5	10	5	2	13	3		3	2,5	63,5	20	5	5	20	5		5	3.5
5	Hương Thủy	50	30	10	3	2			1	4	79	50	5	3	10			3	8
6	Phú Vang	36	20	8	2				2	4	94	65	8	2				14	5
7	Phú Lộc	41	15	7	3	10			2	4	57	30	7	2	10			3	5
8	Nam Đông	30	5		3		17	3		2	19	15		2		0	2		
9	A Lưới	116	5					37		74	165	15					78		72

**Phụ lục IV**  
**LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**  
**TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 8. Kế hoạch sản xuất đối với chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

*Đơn vị tính: con*

TT	Huyện/TP	Đến năm 2026						Đến năm 2030					
		Lợn nái	Lợn thịt	Lợn rừng lai	Bò cái sinh sản	Bò thịt	Gà thịt	Lợn nái	Lợn thịt	Lợn rừng lai	Bò cái sinh sản	Bò thịt	Gà thịt
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>75</b>	<b>1.800</b>	<b>200</b>	<b>110</b>	<b>400</b>	<b>15.000</b>	<b>50</b>	<b>2.500</b>		<b>95</b>	<b>450</b>	<b>17.000</b>
1	Phong Điền	10	400		10	50	1.000	10	500		10	50	1.000
2	Quảng Điền	10	200		10	50	1.000	5	300		10	50	1.000
3	Hương Trà	5	100		10	50	700	5	200		10	50	1.000
4	TP Huế	3	50		5	10	500	5	200		5	20	1.000
5	Hương Thủy	10	350		15	50	2.000	5	400		15	60	3.000
6	Phú Vang	9	150		20	50	2.000	5	300		20	50	2.000
7	Phú Lộc	10	150		10	50	3.800	5	200		5	70	3.000
8	Nam Đông	15	300	200	30	90	3.000	5	200		20	100	3.000
9	A Lưới	3	100		35	100	1.000	5	200		35	150	2.000

**Phụ lục V**  
**LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024-2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 9. Kế hoạch sản xuất đối với thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Huyện/thị xã	Đến năm 2026				Đến năm 2030			
		Ưong giống	Cá (dìa, nâu, đoi)	Tôm (sú, thẻ chân trắng)	Nuôi xen ghép	Ưong giống	Cá (dìa, nâu, đoi)	Tôm (sú, thẻ chân trắng)	Nuôi xen ghép
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
1	Phong Điền	1	3	5	5	0,5	2	3	3
2	Quảng Điền	1	3	5	5	0,5	2	3	3
3	Phú Vang	0,5	3	3	3	0,5	2	1	1
4	Phú Lộc	0,5	3	2	2	0,5	2	1	1

**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ,**  
**KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2024 – 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 10. Danh mục các mô hình thí điểm trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ và thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

TT	Tên mô hình	Quy mô	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đơn vị tham gia thực hiện
<b>I</b>	<b>Mô hình sản xuất hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực trồng trọt</b>					
1	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị	5 ha/địa điểm	Phong Điền, Hương Thủy, Nam Đông	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
2	Mô hình sản xuất thanh trà hữu cơ theo chuỗi giá trị	1 ha/địa điểm	Thành phố Huế, Hương Trà, Phong Điền	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
3	Mô hình sản xuất bưởi da xanh hữu cơ theo chuỗi giá trị	1 ha/địa điểm	Thành phố Huế, Hương Trà, Phong Điền	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
4	Mô hình sản xuất cam hữu cơ theo chuỗi giá trị	1 ha/địa điểm	Nam Đông	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
5	Mô hình sản xuất rau hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị	0,5 ha/địa điểm	Quảng Điền, Hương Trà, TP Huế	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
6	Mô hình sản xuất sen hữu cơ theo chuỗi giá trị	1 ha/địa điểm	Phong Điền, Phú Vang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
7	Mô hình sản xuất chuối hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị	1 ha/địa điểm	A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
8	Mô hình sản xuất lạc hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị	2 ha/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
9	Mô hình trồng ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi bò	1 ha/địa điểm	A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
10	Mô hình chế biến rom rạ, cây ngô sinh khối làm thức ăn cho bò thịt	2 địa điểm	Phong Điền và A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
11	Mô hình chế biến sắn, thân chuối, rau làm thức ăn cho lợn thịt	2 địa điểm	Phong Điền và A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
<b>II</b>	<b>Mô hình sản xuất hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực chăn nuôi</b>					
1	Mô hình chăn nuôi gà thịt hữu cơ	1.000 con/địa	Phong Điền, Quảng Điền,	Sở Nông nghiệp và	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên



		điểm	Hương Thủy	PTNT		địa bàn
2	Mô hình chăn nuôi lợn thịt hữu cơ	100 con/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc, Hương Thủy	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
3	Mô hình chăn nuôi lợn nái hữu cơ	10 con/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc, Hương Thủy	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
4	Mô hình chăn nuôi bò thịt hữu cơ	50 con/địa điểm	A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
5	Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản hữu cơ	5 con/địa điểm	A Lưới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
6	Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải và phế phụ phẩm trong chăn nuôi bò, lợn, gà	2 địa điểm/7 huyện, thị xã, 14 địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền, Hương Thủy, Phú Vang, A Lưới, Phú Lộc, Hương Trà	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
<b>III</b>	<b>Mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực thủy sản</b>					
1	Mô hình nuôi xen tôm, cua, cá dìa, cá đối sinh thái liên kết tiêu thụ sản phẩm	1 ha/địa điểm	Quảng Điền, Phú Vang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
2	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao tròn diện tích nhỏ công nghệ cao	1 ha/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền và Phú Vang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
3	Mô hình nuôi cá vượt lũ với các loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao như cá nâu, cà dìa, cá đối	1 ha/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền, Phúc Lộc và Phú Vang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn
4	Mô hình nuôi tôm lúa và cá lúa	1 ha/địa điểm	Phong Điền, Quảng Điền	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ trên địa bàn

**Phụ lục VII**  
**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ**

*(Kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Bảng 11. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2024 – 2030**

Nội dung	Giai đoạn 2024 - 2030					
	Tổng diện tích thực hiện (ha/mô hình/số con/lớp)	Đơn giá (1.000 đ/ha)	Tổng kinh phí dự kiến (1.000 đ/ha)	Ngân sách TW, tỉnh, huyện (cây giống, phân bón (1.000 đ)	Nhân dân tham gia (công trồng, chăm sóc, vật tư, vật liệu sản xuất) (1.000 đ)	Nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp, công ty,... (1.000 đ)
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>			<b>43.190.000</b>	<b>12.567.500</b>	<b>14.498.000</b>	<b>16.124.500</b>
<b>Sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>	<b>(ha)</b>		<b>19.585.000</b>	<b>9.792.500</b>	<b>7.834.000</b>	<b>1.958.500</b>
Lúa	450	10.000	4.500.000	2.250.000	1.800.000	450.000
Lạc	105	15.000	1.575.000	787.500	630.000	157.500
Rau	43	20.000	860.000	430.000	344.000	86.000
Bưởi	105	30.000	3.150.000	1.575.000	1.260.000	315.000
Sen	55	30.000	1.650.000	825.000	660.000	165.000
Chuối	120	30.000	3.600.000	1.800.000	1.440.000	360.000
Cam	25	30.000	750.000	375.000	300.000	75.000
Ngô	35	15.000	525.000	262.500	210.000	52.500
Sắn	170	15.000	2.550.000	1.275.000	1.020.000	255.000
Cỏ	17	25.000	425.000	212.500	170.000	42.500
<b>Xây dựng mô hình (11 mô hình/23 điểm)</b>	ha		<b>1.660.000</b>	<b>830.000</b>	<b>664.000</b>	<b>166.000</b>
Mô hình lúa (3 điểm)	15	30.000	450.000	225.000	180.000	45.000
Mô hình Thanh Trà (3 điểm)	3	100.000	300.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình bưởi da xanh (3 điểm)	3	100.000	300.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình cam (1 điểm)	1	100.000	100.000	50.000	40.000	10.000
Mô hình trồng rau hữu cơ (3 điểm)	3	40.000	120.000	60.000	48.000	12.000

Mô hình sen (2 điểm)	2	50.000	100.000	50.000	40.000	10.000
Mô hình chuối (1 điểm)	1	60.000	60.000	30.000	24.000	6.000
Mô hình lạc (2 điểm)	4	30.000	120.000	60.000	48.000	12.000
Mô hình ngô sinh khối (1 điểm)	1	30.000	30.000	15.000	12.000	3.000
Mô hình chế biến rom ra, cây ngô sinh khối làm thức ăn cho bò thịt (2 điểm)	2	20.000	40.000	20.000	16.000	4.000
Mô hình chế biến sắn, thân chuối, rau làm thức ăn cho lợn thịt (2 điểm)	2	20.000	40.000	20.000	16.000	4.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ (5 chuối gồm lúa, lạc, rau, thanh trà, sen) (5 chuối)</b>	<b>5</b>	<b>100.000</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (5 cây gồm lúa, lạc, rau, thanh trà, sen)</b>	<b>5</b>	<b>100.000</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000</b>		
<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (8 giấy)</b>	<b>8</b>	<b>60.000</b>	<b>480.000</b>	<b>480.000</b>		
<b>Tập huấn (31 lớp)</b>	<b>31</b>	<b>15.000</b>	<b>465.000</b>	<b>465.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống nhà màng, hệ thống tưới)</b>			<b>20.000.000</b>		<b>6.000.000</b>	<b>14.000.000</b>
<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI</b>			<b>81.710.000</b>	<b>26.567.500</b>	<b>29.114.000</b>	<b>26.028.500</b>
<b>Sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>	(con)		<b>44.725.000</b>	<b>22.362.500</b>	<b>17.890.000</b>	<b>4.472.500</b>
Chăn nuôi lợn nái	125	5.000	875.000	437.500	350.000	87.500
Chăn nuôi lợn thịt	4500	2.000	14.000.000	7.000.000	5.600.000	1.400.000
Chăn nuôi bò cái sinh sản	205	20.000	5.050.000	2.525.000	2.020.000	505.000
Chăn nuôi bò thịt	850	15.000	15.000.000	7.500.000	6.000.000	1.500.000
Chăn nuôi gà thịt	32000	200	9.800.000	4.900.000	3.920.000	980.000
<b>Xây dựng mô hình (6 mô hình/35 điểm)</b>	(con)		<b>5.560.000</b>	<b>2.780.000</b>	<b>2.224.000</b>	<b>556.000</b>

Mô hình lợn nái (6 điểm)	60	10000	600.000	300.000	240.000	60.000
Mô hình chăn nuôi lợn thịt (10 điểm)	600	4.000	2.400.000	1.200.000	960.000	240.000
Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản (2 điểm)	5	30.000	150.000	75.000	60.000	15.000
Mô hình chăn nuôi bò thịt hữu cơ (2 điểm)	50	20.000	1.000.000	500.000	400.000	100.000
Mô hình chăn nuôi gà thịt hữu cơ (6 điểm)	3000	400	1.200.000	600.000	480.000	120.000
Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải và phế phụ phẩm trong chăn nuôi bò, lợn, gà (9 điểm)	14	15.000	210.000	105.000	84.000	21.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ (3 chuỗi gồm lợn, thịt và gà)</b>	<b>3</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (3 con gồm lợn, bò và gà)</b>	<b>3</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (5 giấy)</b>	<b>5</b>	<b>60.000</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Tập huấn (35 lớp)</b>	<b>35</b>	<b>15.000</b>	<b>525.000</b>	<b>525.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống chuồng trại,...)</b>			<b>30.000.000</b>		<b>9.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>			<b>36.840.000</b>	<b>8.915.000</b>	<b>12.340.000</b>	<b>15.585.000</b>
<b>Sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuân hoàn theo chuỗi giá trị</b>	(ha)		<b>13.450.000</b>	<b>6.725.000</b>	<b>5.380.000</b>	<b>1.345.000</b>
Ương giống cung cấp cho mô hình	5	50000	250.000	125.000	100.000	25.000
Nuôi cá (đìa, nâu, trôi)	20	200000	4.000.000	2.000.000	1.600.000	400.000
Nuôi tôm (sú, thẻ chân trắng)	23	200000	4.600.000	2.300.000	1.840.000	460.000

Nuôi xen ghép cá, tôm	23	200000	4.600.000	2.300.000	1.840.000	460.000
<b>Xây dựng mô hình thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (4 mô hình/26 điểm)</b>	(ha)		<b>2.400.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>960.000</b>	<b>240.000</b>
Mô hình nuôi xen tôm, cua, cá dìa, cá đối sinh thái liên kết tiêu thụ sản phẩm (4 điểm)	2	200.000	400.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao tròn diện tích nhỏ công nghệ cao (6 điểm)	3	200.000	600.000	300.000	240.000	60.000
Mô hình nuôi cá vượt lũ (8 điểm)	4	200.000	800.000	400.000	320.000	80.000
Mô hình nuôi tôm lúa và cá lúa (8 điểm)	4	150.000	600.000	300.000	240.000	60.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt (4 chuỗi)</b>	4	<b>100.000</b>	<b>400.000</b>	<b>400.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (2 con gồm cá, tôm)</b>	2	<b>100.000</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>		
<b>Tập huấn (26 lớp)</b>	<b>26</b>	<b>15000</b>	<b>390.000</b>	<b>390.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống ao nuôi, hồ...)</b>			<b>20.000.000</b>		<b>6.000.000</b>	<b>14.000.000</b>
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>161.740.000</b>	<b>48.050.000</b>	<b>55.952.000</b>	<b>57.738.000</b>

**Bảng 12. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phân kỳ theo năm giai đoạn 2024 - 2026**

Nội dung	Giai đoạn 2024 - 2026							
	Tổng diện tích thực hiện (ha/mô hình/số con/lớp)	Kinh phí dự kiến (1.000 đ)	2024	2025	2026	Ngân sách TW. tỉnh. huyện (cây giống. phân bón) (1.000 đ)	Nhân dân tham gia (công trồng. chăm sóc. vật tư. vật liệu sản xuất) (1.000 đ)	Nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp. công ty.... (1.000 đ)
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>		<b>20.867.500</b>	<b>8.627.500</b>	<b>8.627.500</b>	<b>3.612.500</b>	<b>6.026.250</b>	<b>6.873.000</b>	<b>7.968.250</b>
<b>Sản xuất cây trồng hữu cơ. tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>8.022.500</b>	<b>2.674.167</b>	<b>2.674.167</b>	<b>2.674.167</b>	<b>4.011.250</b>	<b>3.209.000</b>	<b>802.250</b>
Lúa	150	1.500.000	500.000	500.000	500.000	750.000	600.000	150.000
Lạc	60	900.000	300.000	300.000	300.000	450.000	360.000	90.000
Rau	18	360.000	120.000	120.000	120.000	180.000	144.000	36.000
Bưởi	45	1.350.000	450.000	450.000	450.000	675.000	540.000	135.000
Sen	15	450.000	150.000	150.000	150.000	225.000	180.000	45.000
Chuối	40	1.200.000	400.000	400.000	400.000	600.000	480.000	120.000
Cam	20	600.000	200.000	200.000	200.000	300.000	240.000	60.000
Ngô	15	225.000	75.000	75.000	75.000	112.500	90.000	22.500
Sắn	80	1.200.000	400.000	400.000	400.000	600.000	480.000	120.000
Cỏ	9,5	237.500	79.167	79.167	79.167	118.750	95.000	23.750
<b>Xây dựng mô hình (11 mô hình/23 điểm)</b>		<b>1.660.000</b>	<b>558.333</b>	<b>558.333</b>	<b>543.333</b>	<b>830.000</b>	<b>664.000</b>	<b>166.000</b>
Mô hình lúa (3điểm/15 ha)	15	450.000	150.000	150.000	150.000	225.000	180.000	45.000
Mô hình Thanh Trà (3 điểm)	3	300.000	100.000	100.000	100.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình bưởi da xanh (3 điểm)	3	300.000	100.000	100.000	100.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình cam (1điểm)	1	100.000	33.333	33.333	33.333	50.000	40.000	10.000
Mô hình trồng rau hữu cơ (3 điểm)	3	120.000	40.000	40.000	40.000	60.000	48.000	12.000
Mô hình sen (2 điểm)	2	100.000	35.000	35.000	30.000	50.000	40.000	10.000
Mô hình chuối (1 điểm)	1	60.000	20.000	20.000	20.000	30.000	24.000	6.000

Mô hình lạc (2 điểm/4 ha)	4	120.000	40.000	40.000	40.000	60.000	48.000	12.000
Mô hình ngô sinh khối (1 điểm)	1	30.000	10.000	10.000	10.000	15.000	12.000	3.000
Mô hình chế biến rom rạ. cây ngô sinh khối làm thức ăn cho bò thịt (2 điểm)	2	40.000	15.000	15.000	10.000	20.000	16.000	4.000
Mô hình chế biến sản. thân chuối. rau làm thức ăn cho lợn thịt (2 điểm)	2	40.000	15.000	15.000	10.000	20.000	16.000	4.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ (3 chuỗi gồm lúa. thanh trà. sen) (3 chuỗi)</b>	<b>3</b>	<b>300.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể. đăng ký mã số. mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (3 cây gồm lúa. thanh trà. sen)</b>	<b>3</b>	<b>300.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (4 giấy)</b>	<b>4</b>	<b>240.000</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	<b>240.000</b>		
<b>Tập huấn (23 lớp)</b>	<b>23</b>	<b>345.000</b>	<b>115.000</b>	<b>115.000</b>	<b>115.000</b>	<b>345.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống nhà màng. hệ thống tưới)</b>		<b>10.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>			<b>3.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI</b>		<b>34.765.000</b>	<b>11.591.667</b>	<b>11.591.667</b>	<b>11.581.667</b>	<b>10.407.500</b>	<b>11.986.000</b>	<b>12.371.500</b>
<b>Sản xuất chăn nuôi hữu cơ. tuân hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>15.575.000</b>	<b>5.191.667</b>	<b>5.191.667</b>	<b>5.191.667</b>	<b>7.787.500</b>	<b>6.230.000</b>	<b>1.557.500</b>
Chăn nuôi lợn nái	75	375.000	125.000	125.000	125.000	187.500	150.000	37.500
Chăn nuôi lợn thịt	2000	4.000.000	1.333.333	1.333.333	1.333.333	2.000.000	1.600.000	400.000
Chăn nuôi bò cái sinh sản	110	2.200.000	733.333	733.333	733.333	1.100.000	880.000	220.000
Chăn nuôi bò thịt	400	6.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	3.000.000	2.400.000	600.000
Chăn nuôi gà thịt	15000	3.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
<b>Xây dựng mô hình (6 mô hình/18 điểm)</b>		<b>3.140.000</b>	<b>1.050.000</b>	<b>1.050.000</b>	<b>1.040.000</b>	<b>1.570.000</b>	<b>1.256.000</b>	<b>314.000</b>
Mô hình lợn nái (3 điểm)	30	300.000	100.000	100.000	100.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình chăn nuôi lợn thịt (5 điểm)	300	1.200.000	400.000	400.000	400.000	600.000	480.000	120.000

Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản (1 điểm)	3	90.000	30.000	30.000	30.000	45.000	36.000	9.000
Mô hình chăn nuôi bò thịt hữu cơ (1 điểm)	30	600.000	200.000	200.000	200.000	300.000	240.000	60.000
Mô hình chăn nuôi gà thịt hữu cơ (3 điểm)	2000	800.000	270.000	270.000	260.000	400.000	320.000	80.000
Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải và phế phụ phẩm trong chăn nuôi bò, lợn, gà (5 điểm)	10	150.000	50.000	50.000	50.000	75.000	60.000	15.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ (3 chuỗi gồm lợn, thịt và gà)</b>	<b>3</b>	<b>300.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (3 con gồm lợn, bò và gà)</b>	<b>3</b>	<b>300.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>300.000</b>		
<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (3 giấy)</b>	<b>3</b>	<b>180.000</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>180.000</b>		
<b>Tập huấn (18 lớp)</b>	<b>18</b>	<b>270.000</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>270.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống chuồng trại....)</b>		<b>15.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>		<b>4.500.000</b>	<b>10.500.000</b>
<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>		<b>20.645.000</b>	<b>8.665.000</b>	<b>8.545.000</b>	<b>3.435.000</b>	<b>5.720.000</b>	<b>6.940.000</b>	<b>7.985.000</b>
<b>Sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>8.550.000</b>	<b>2.850.000</b>	<b>2.850.000</b>	<b>2.850.000</b>	<b>4.275.000</b>	<b>3.420.000</b>	<b>855.000</b>
Ương giống cung cấp cho mô hình	3	150.000	50.000	50.000	50.000	75.000	60.000	15.000
Nuôi cá (đĩa, nâu, dổi)	12	2.400.000	800.000	800.000	800.000	1.200.000	960.000	240.000
Nuôi tôm (sú, thẻ chân trắng)	15	3.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
Nuôi xen ghép cá, tôm	15	3.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
<b>Xây dựng mô hình thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (13 mô hình)</b>		<b>1.300.000</b>	<b>450.000</b>	<b>430.000</b>	<b>420.000</b>	<b>650.000</b>	<b>520.000</b>	<b>130.000</b>



Mô hình nuôi xen tôm. cua. cá dia. cá đối sinh thái liên kết tiêu thụ sản phẩm (2 điểm)	1	200.000	70.000	70.000	60.000	100.000	80.000	20.000
Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao tròn diện tích nhỏ công nghệ cao (3 điểm)	2	400.000	140.000	130.000	130.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình nuôi cá vượt lũ (4 điểm)	2	400.000	140.000	130.000	130.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình nuôi tôm lúa và cá lúa (4 điểm)	2	300.000	100.000	100.000	100.000	150.000	120.000	30.000
<b>Xây dựng chuỗi liên kết thủy sản. chăn nuôi. trồng trọt (4 chuỗi)</b>	<b>4</b>	<b>400.000</b>	<b>200.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>400.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể. đăng ký mã số. mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (2 con gồm cá. tôm)</b>	<b>2</b>	<b>200.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>		<b>200.000</b>		
<b>Tập huấn (13 lớp)</b>	<b>13</b>	<b>195.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>195.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống ao nuôi. hồ...)</b>		<b>10.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>			<b>3.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>76.277.500</b>	<b>28.884.166</b>	<b>28.764.166</b>	<b>18.629.166</b>	<b>22.153.750</b>	<b>25.799.000</b>	<b>28.324.750</b>

**Bảng 13. Tổng hợp kinh phí đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phân kỳ theo năm giai đoạn 2027 – 2030**

Nội dung	Giai đoạn 2027 - 2030								
	Tổng diện tích thực hiện (ha/mô hình/số con/lớp)	Kinh phí dự kiến (1.000 đ)	2027	2028	2029	2030	Ngân sách TW, tỉnh, huyện (cây giống, phân bón) (1.000 đ)	Nhân dân tham gia (công trồng, chăm sóc, vật tư, vật liệu sản xuất) (1.000 đ)	Nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp, công ty,... (1.000 đ)
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>		<b>22.322.500</b>	<b>8.080.625</b>	<b>8.080.625</b>	<b>3.080.625</b>	<b>3.080.625</b>	<b>6.541.250</b>	<b>7.625.000</b>	<b>8.156.250</b>
<b>Sản xuất cây trồng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>11.562.500</b>	<b>2.890.625</b>	<b>2.890.625</b>	<b>2.890.625</b>	<b>2.890.625</b>	<b>5.781.250</b>	<b>4.625.000</b>	<b>1.156.250</b>
Lúa	300	3.000.000	750.000	750.000	750.000	750.000	1.500.000	1.200.000	300.000
Lạc	45	675.000	168.750	168.750	168.750	168.750	337.500	270.000	67.500
Rau	25	500.000	125.000	125.000	125.000	125.000	250.000	200.000	50.000
Bưởi	60	1.800.000	450.000	450.000	450.000	450.000	900.000	720.000	180.000
Sen	40	1.200.000	300.000	300.000	300.000	300.000	600.000	480.000	120.000
Chuối	80	2.400.000	600.000	600.000	600.000	600.000	1.200.000	960.000	240.000
Cam	5	150.000	37.500	37.500	37.500	37.500	75.000	60.000	15.000
Ngô	20	300.000	75.000	75.000	75.000	75.000	150.000	120.000	30.000
Sắn	90	1.350.000	337.500	337.500	337.500	337.500	675.000	540.000	135.000
Cỏ	7,5	187.500	46.875	46.875	46.875	46.875	93.750	75.000	18.750
<b>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ (chuỗi gồm lạc, rau) (2 chuỗi)</b>	<b>2</b>	<b>200.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>200.000</b>		
<b>Xây dựng nhãn hiệu tập thể, đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực (2 cây gồm lạc, rau)</b>	<b>2</b>	<b>200.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>200.000</b>		

<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (4 giấy)</b>	<b>4</b>	<b>240.000</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>240.000</b>		
<b>Tập huấn (8 lớp)</b>	<b>8</b>	<b>120.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>120.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống nhà màng, hệ thống tưới)</b>		<b>10.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>				<b>3.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI</b>		<b>46.945.000</b>	<b>12.986.250</b>	<b>12.986.250</b>	<b>12.986.250</b>	<b>7.986.250</b>	<b>16.160.000</b>	<b>17.128.000</b>	<b>13.657.000</b>
<b>Sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>29.150.000</b>	<b>7.287.500</b>	<b>7.287.500</b>	<b>7.287.500</b>	<b>7.287.500</b>	<b>14.575.000</b>	<b>11.660.000</b>	<b>2.915.000</b>
Chăn nuôi lợn nái	50	500.000	125.000	125.000	125.000	125.000	250.000	200.000	50.000
Chăn nuôi lợn thịt	2500	10.000.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	5.000.000	4.000.000	1.000.000
Chăn nuôi bò cái sinh sản	95	2.850.000	712.500	712.500	712.500	712.500	1.425.000	1.140.000	285.000
Chăn nuôi bò thịt	450	9.000.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	4.500.000	3.600.000	900.000
Chăn nuôi gà thịt	17000	6.800.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	3.400.000	2.720.000	680.000
<b>Xây dựng mô hình (6 mô hình/17 điểm)</b>		<b>2.420.000</b>	<b>605.000</b>	<b>605.000</b>	<b>605.000</b>	<b>605.000</b>	<b>1.210.000</b>	<b>968.000</b>	<b>242.000</b>
Mô hình lợn nái (3 điểm)	30	300.000	75.000	75.000	75.000	75.000	150.000	120.000	30.000
Mô hình chăn nuôi lợn thịt (5 điểm)	300	1.200.000	300.000	300.000	300.000	300.000	600.000	480.000	120.000
Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản (1 điểm)	2	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	30.000	24.000	6.000
Mô hình chăn nuôi bò thịt hữu cơ (1 điểm)	20	400.000	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình chăn nuôi gà thịt hữu cơ (3 điểm)	1000	400.000	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải và phế phụ phẩm trong chăn nuôi bò, lợn, gà (4 điểm)	4	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	30.000	24.000	6.000
<b>Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hữu cơ (2 giấy)</b>	<b>2</b>	<b>120.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>120.000</b>		
<b>Tập huấn (17 lớp)</b>	<b>17</b>	<b>255.000</b>	<b>63.750</b>	<b>63.750</b>	<b>63.750</b>	<b>63.750</b>	<b>255.000</b>		

<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống chuồng trại,...)</b>		<b>15.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>			<b>4.500.000</b>	<b>10.500.000</b>
<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>		<b>16.195.000</b>	<b>5.590.000</b>	<b>5.590.000</b>	<b>3.540.000</b>	<b>1.475.000</b>	<b>3.195.000</b>	<b>5.400.000</b>	<b>7.600.000</b>
<b>Sản xuất thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị</b>		<b>4.900.000</b>	<b>1.250.000</b>	<b>1.250.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>2.450.000</b>	<b>1.960.000</b>	<b>490.000</b>
Ương giống cung cấp cho mô hình	2	100.000	50.000	50.000			50.000	40.000	10.000
Nuôi cá (đĩa, nâu, đốm)	8	1.600.000	400.000	400.000	400.000	400.000	800.000	640.000	160.000
Nuôi tôm (sú, thẻ chân trắng)	8	1.600.000	400.000	400.000	400.000	400.000	800.000	640.000	160.000
Nuôi xen ghép cá, tôm	8	1.600.000	400.000	400.000	400.000	400.000	800.000	640.000	160.000
<b>Xây dựng mô hình thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị (4 mô hình/13 điểm)</b>		<b>1.100.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>275.000</b>	<b>550.000</b>	<b>440.000</b>	<b>110.000</b>
Mô hình nuôi xen tôm, cua, cá đĩa, cá đối sinh thái liên kết tiêu thụ sản phẩm (2 điểm)	1	200.000	50.000	50.000	50.000	50.000	100.000	80.000	20.000
Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao tròn diện tích nhỏ công nghệ cao (3 điểm)	1	200.000	50.000	50.000	50.000	50.000	100.000	80.000	20.000
Mô hình nuôi cá vượt lũ (4 điểm)	2	400.000	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	160.000	40.000
Mô hình nuôi tôm lúa và cá lúa (4 điểm)	2	300.000	75.000	75.000	75.000	75.000	150.000	120.000	30.000
<b>Tập huấn (12 lớp)</b>	<b>13</b>	<b>195.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>		<b>195.000</b>		
<b>Đầu tư cơ bản (hệ thống ao nuôi, hồ...)</b>		<b>10.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>2.000.000</b>			<b>3.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>85.462.500</b>	<b>26.656.875</b>	<b>26.656.875</b>	<b>19.606.875</b>	<b>12.541.875</b>	<b>25.896.250</b>	<b>30.153.000</b>	<b>29.413.250</b>